

Nguyễn Văn Quyền

Nguyễn Văn Quân

Uyển Uyển

Họ và tên :

Trường :

Năm học: 20..... - 20.....

ĐỀ KIỂM TRA TOÁN

4

HỌC KÌ I

Biên soạn theo chương trình
KẾT NỐI TRI THỨC



👉 Quét mã QR để xem đáp án

👉 Có VIDEO bài giảng chi tiết



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

Lời nói đầu

“**Đề kiểm tra Toán 4 - Học kì 1 (KN)**” là cuốn sách được biên soạn theo **chương trình sách giáo khoa mới**. Cuốn sách gồm 20 đề ôn tập, trong đó có **5 đề ôn tập kiểm tra giữa kì 1** và **15 đề ôn tập kiểm tra cuối kì 1**. Phần đáp án đã được lược bỏ và thay vào đó là các mã **QR**, dễ dàng và thuận tiện trong việc tra cứu đáp án.

Hướng dẫn quét mã QR để truy cập đáp án tham khảo:

Vào ứng dụng
ZALO



Bấm vào đây



Mã QR nằm ở góc bên
phải mỗi đề ôn tập.

Trong quá trình biên soạn, khó tránh khỏi những sơ suất, các tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp từ các thầy cô giáo, các bậc phụ huynh và các em học sinh để cuốn sách hoàn thiện hơn trong những lần tái bản tiếp theo.

Xin chân thành cảm ơn!

Các tác giả

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 1



1. Số và phép tính:

- Đọc, viết, so sánh các số có nhiều chữ số (đến lớp triệu).
- Hàng và lớp. Làm tròn số đến hàng trăm nghìn.
- Số chẵn, số lẻ, dãy số tự nhiên.
- Biểu thức chứa chữ.
- Các phép tính trong phạm vi 100 000.

2. Hình học: đo góc, đơn vị đo góc, góc nhọn, góc tù, góc bẹt.

3. Đo lường: yến, tạ, tấn, đề-xi-mét vuông, mét vuông, mi-li-mét vuông.

4. Bài toán có lời văn: giải bài toán có ba bước tính.

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ 1



1. Số và phép tính:

- Đọc, viết, so sánh các số có nhiều chữ số (đến lớp triệu).
- Hàng và lớp. Làm tròn số đến hàng trăm nghìn.
- Biểu thức chứa chữ.
- Phép cộng, phép trừ các số tự nhiên có nhiều chữ số.
- Tính chất giao hoán và kết hợp của phép cộng.

2. Hình học:

- Đo góc, đơn vị đo góc. Góc nhọn, góc tù, góc bẹt.
- Hai đường thẳng vuông góc, hai đường thẳng song song.
- Hình bình hành, hình thoi.

3. Đo lường:

- Yến, tạ, tấn.
- Đề-xi-mét vuông, mét vuông, mi-li-mét vuông.
- Giấy, thẻ ki.

4. Bài toán có lời văn:

- Giải bài toán có ba bước tính.
- Giải bài toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.



I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số "Chín trăm mười lăm triệu ba trăm hai mươi một nghìn không trăm linh tư" được viết là: **(0,5 điểm)**

- A. 915 321 040 B. 915 321 004 C. 915 003 214 D. 915 300 214

Câu 2 Làm tròn số 762 152 871 đến hàng trăm nghìn được số: **(0,5 điểm)**

- A. 762 000 000 B. 762 100 000 C. 762 200 000 D. 762 150 000

Câu 3 Hình vẽ bên có số góc nhọn là: **(0,5 điểm)**

- A. 2 B. 3
C. 4 D. 5



Câu 4 Trong số 653 126, giá trị của chữ số 5 hơn giá trị của chữ số 3 số đơn vị là: **(0,5 điểm)**

- A. 47 000 đơn vị B. 2 đơn vị C. 57 000 đơn vị D. 49 700 đơn vị

Câu 5 Số 1 243 thuộc dãy số: **(0,5 điểm)**

- A. 10, 20, 30, 40, 50, B. 0, 2, 4, 6, 8,
C. 0, 5, 10, 15, 20, D. 1, 3, 5, 7, 9,

Câu 6 Vụ mùa vừa qua, chú Minh thu hoạch được 2 tấn 3 tạ thóc. Chú đã bán đi 18 tạ thóc. Số thóc còn lại, chú dự định mang đi xay sát để lấy gạo ăn. Cứ 1 yến thóc xay sát được 6 kg gạo. Vậy sau khi xay sát số thóc còn lại, chú Minh sẽ thu được số gạo là: **(0,5 điểm)**

- A. 30 kg B. 128 kg
C. 180 kg D. 300 kg



II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Điền vào chỗ trống. (2 điểm)

Cho các số: 2 253 318 989 724 2 208 716 2 516 235

a. Các số trên được viết theo thứ tự từ bé đến lớn là:

b. Trong số 2 253 318, chữ số 5 thuộc hàng

, lớp

[illegible]

--	--	--

và có giá trị là

c. Các số chẵn là:

d. Làm tròn số lớn nhất đến hàng trăm nghìn được số

Bài 2 Đặt tính rồi tính. (1 điểm)

$$54\,176 + 18\,032$$

$$60\ 152 - 8\ 034$$

$15\ 124 \times 3$

$36\,788 : 6$

A blank coordinate grid with x and y axes. The grid is 10 units wide and 10 units high. The x-axis is labeled 'x' and the y-axis is labeled 'y'. The grid lines are light blue, and the axes are dark blue.[illegible]

Bài 3 $> ; < ; =$? (1 điểm)

5 tấn 35 kg

 5 350 kg

4 tấn 2 tạ  1 420 kg $\times$ 3

		•

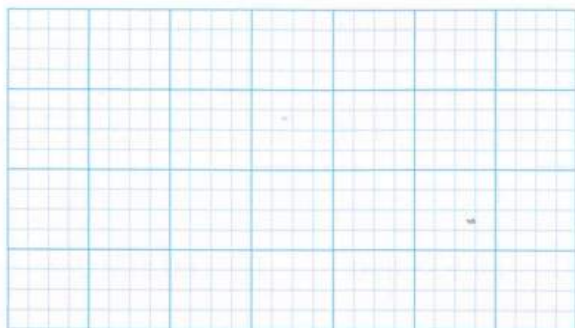
 $2 \text{ m}^2 \quad 50 \text{ cm}^2$  $2 \, 050 \text{ cm}^2$ 

1 520 mm² : 5  3 cm² 4 mm²

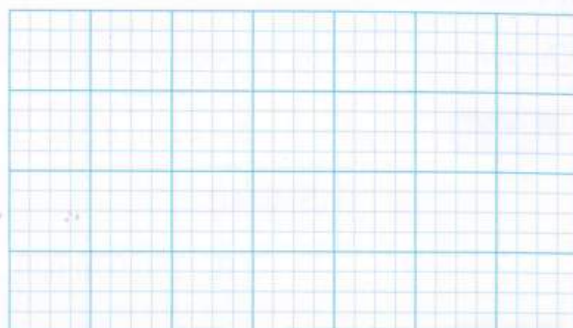
Bài 4

Với $m = 250$, $n = 50$, $p = 4$, tính giá trị của các biểu thức sau: **(1 điểm)**

a. $m - n \times p + 80$



b. $(m + n) - 80 : p$

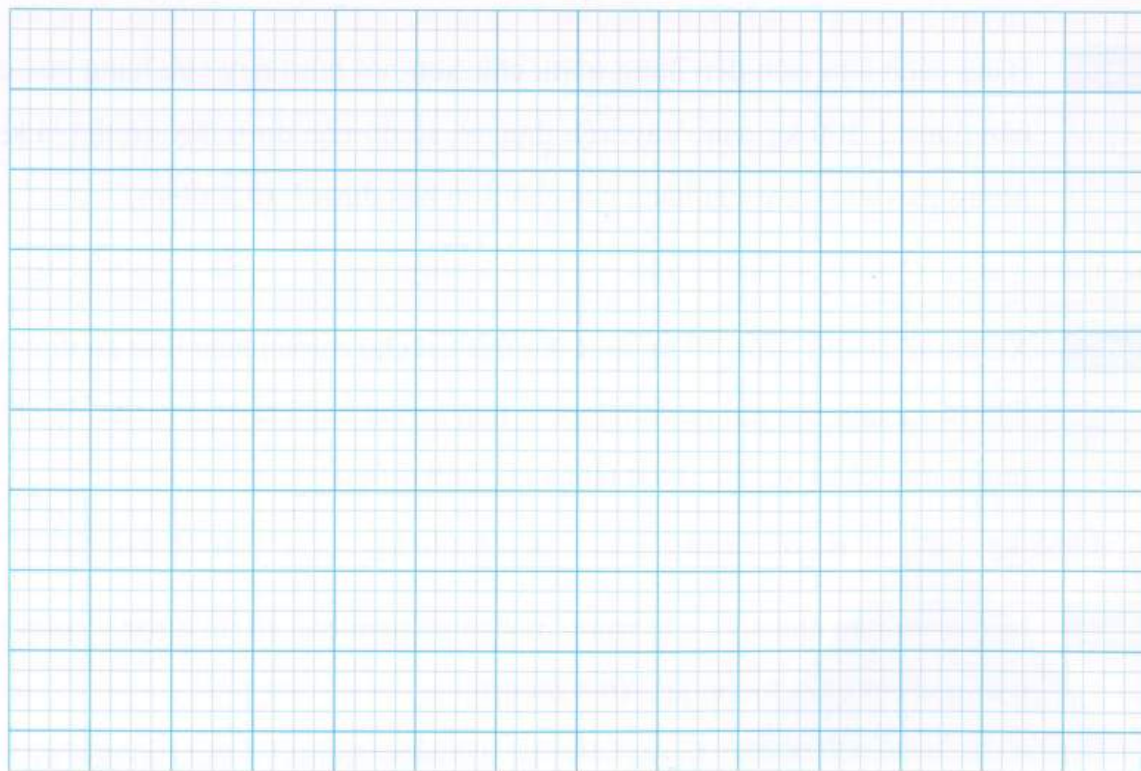
**Bài 5**

Trước đây, người trồng dưa hấu thường mang dưa hấu đi đổi lấy thóc. Hà ngồi nghe ông nội kể về lần đầu tiên ông mang dưa hấu đi đổi lấy thóc. Hôm đó, ông dùng chiếc xe đạp thồ chở 2 sọt, mỗi sọt đựng 6 yếm 5 kg dưa hấu.



Khi trở về nhà, trên xe còn lại 8 yếm dưa. Hỏi đó, cứ mỗi 5 kg dưa hấu đổi được 1 yếm thóc. Hỏi hôm đó ông nội Hà đã đổi được bao nhiêu yếm thóc? **(2 điểm)**

Bài giải





I. Phần trắc nghiệm. (4 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

- Câu 1** Số gồm 7 trăm triệu, 6 chục triệu, 5 chục nghìn, 3 chục và 8 đơn vị được viết là: **(0,5 điểm)**
- A. 76 638 B. 760 050 038 C. 760 538 000 D. 760 500 038
- Câu 2** Số 27 150 984 có chữ số hàng chục triệu là: **(0,5 điểm)**
- A. 2 B. 7 C. 1 D. 5
- Câu 3** Làm tròn số 762 315 982 đến hàng trăm nghìn được số: **(0,5 điểm)**
- A. 762 300 000 B. 762 400 000 C. 762 200 000 D. 762 320 000
- Câu 4** Số đo nào dưới đây là số đo góc của một góc bẹt? **(0,5 điểm)**
- A. 45° B. 90° C. 120° D. 180°
- Câu 5** Số liền trước của số chẵn lớn nhất có chín chữ số là: **(0,5 điểm)**
- A. 999 999 999 B. 999 999 997 C. 999 999 998 D. 1 000 000 000
- Câu 6** Bằng cách làm tròn đến hàng trăm, chú Sơn nói hôm nay cửa hàng của chú bán được 1 500 kg gạo. Vậy trên thực tế, số đo nào dưới đây có thể là khối lượng gạo hôm nay cửa hàng của chú Sơn bán được? **(0,5 điểm)**
- A. 1 tấn 5 tạ B. 1 tấn 55 yến C. 1 tấn 45 yến D. 1 tấn 52 kg
- Câu 7** Xe thứ nhất chở 2 tấn 75 kg mía. Xe thứ hai chở được nhiều hơn xe thứ nhất 5 tạ 15 kg mía. Xe thứ ba chở được ít hơn xe thứ hai 3 tạ 4 yến mía. Vậy khối lượng mía cả ba xe chở được tất cả là: **(0,5 điểm)**
- A. 4 665 kg B. 67 255 kg C. 4 840 kg D. 6 915 kg
- Câu 8** Nếu viết thêm chữ số 1 vào trước một số có năm chữ số thì được số mới lớn hơn số đã cho số đơn vị là: **(0,5 điểm)**
- A. 10 000 đơn vị B. 1 000 đơn vị C. 100 000 đơn vị D. 100 đơn vị

II. Phần tự luận. (6 điểm)

Bài 1 Điền vào chỗ trống. (1 điểm)

Cho các số: 7 638 215 8 005 361 7 629 878 8 021 013

a. Các số trên được viết theo thứ tự từ lớn đến bé là:

b. Trong số 7 638 215, chữ số 6 thuộc hàng

, lớp

lớn

và có giá trị là

c. Các số lẻ là:

[illegible]

d. Làm tròn số nhỏ nhất đến hàng trăm nghìn được số

[illegible]

Bài 2 Đặt tính rồi tính. (1 điểm)

$$52\,648 + 13\,415$$

$$35\ 106 - 18\ 053$$

$16\,071 \times 3$

$72\,048 : 8$

[illegible]

Bài 3 Số? (1 điểm)

Hình vẽ bên có:

 góc nhọn,

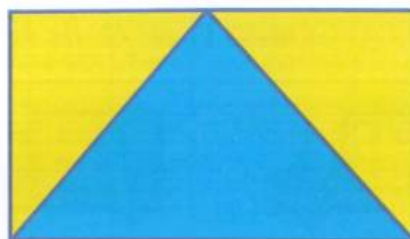
 góc tù.

góc nhọn,

góc tù,

góc vuông

g,  góc bẹt.



Bài 4 Số? (1 điểm)

$$7 \text{ tấn } 6 \text{ kg} = \boxed{} \text{ kg}$$

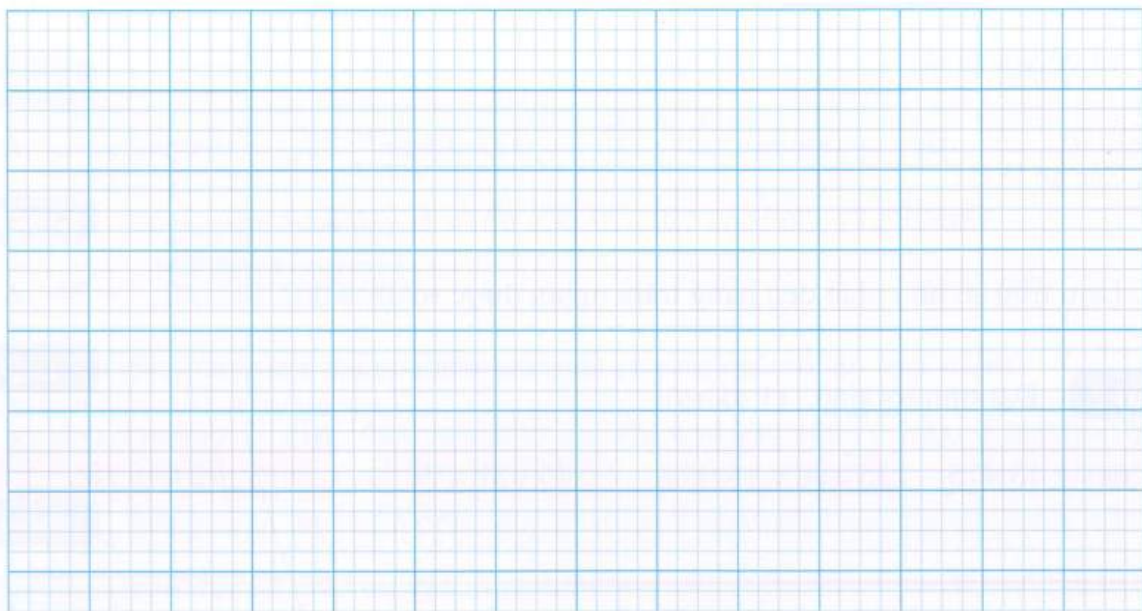
$$3 \text{ tạ } 25 \text{ yến} = \boxed{} \text{ yến}$$

$$7 \text{ m}^2 \text{ } 80 \text{ dm}^2 = \boxed{} \text{ dm}^2$$

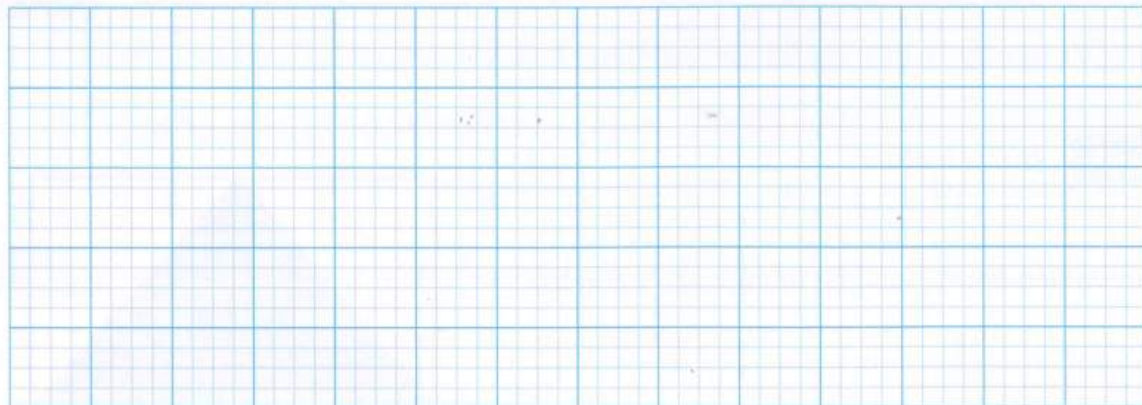
$$6 \text{ cm}^2 \text{ } 200 \text{ mm}^2 = \boxed{} \text{ mm}^2$$

Bài 5 Một hình chữ nhật có chiều rộng là 8 cm và có chu vi là 48 cm. Tính diện tích của hình chữ nhật đó. (1 điểm)

Bài giải



Bài 6 Tính giá trị của biểu thức $a + 5 \times b - c$. Biết a, b, c lần lượt là ba số lẻ liên tiếp có ba chữ số; a là số lẻ nhỏ nhất có ba chữ số khác nhau. (1 điểm)





I. Phần trắc nghiệm. (4 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

- Câu 1** Số 8 056 004 đọc là: **(0,5 điểm)**
- A. Tám triệu năm mươi sáu nghìn không trăm linh bốn
B. Tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn không trăm linh tư
C. Tám triệu không trăm năm mươi sáu nghìn không trăm linh tư
D. Tám triệu không trăm năm mươi sáu nghìn không trăm bốn mươi
- Câu 2** Chữ số 8 trong số 73 805 196 chỉ: **(0,5 điểm)**
- A. 8 triệu B. 8 trăm nghìn C. 8 chục nghìn D. 8 nghìn
- Câu 3** Số liền trước của số 6 000 000 là: **(0,5 điểm)**
- A. 5 999 999 B. 5 999 989 C. 5 999 000 D. 5 999 899
- Câu 4** Các số thuộc dãy số: 0, 2, 4, 6, 8, 10, là: **(0,5 điểm)**
- A. 47 và 50 B. 128 và 192 C. 171 và 275 D. 1 200 và 2 759
- Câu 5** Biểu thức $120 : (4 - a)$ có giá trị nhỏ nhất khi a bằng: **(0,5 điểm)**
- A. 0 B. 1 C. 2 D. 4
- Câu 6** Trong số 627 983 564, giá trị của chữ số 8 gấp giá trị của chữ số 4 số lần là: **(0,5 điểm)**
- A. 2 lần B. 200 lần C. 2 000 lần D. 20 000 lần
- Câu 7** Bốn chiếc xe tải cùng loại chở hàng hoá (như bức tranh) cần đi qua một cây cầu có tải trọng là 5 tấn. Cân nặng của các xe khi không chở hàng là 2 280 kg. Sau khi kiểm tra, các chú cảnh sát giao thông đã xử phạt và không cho phép một trong bốn chiếc xe tải qua cầu. Chiếc xe tải đó là: **(1 điểm)**



II. Phần tự luận. (6 điểm)

* Bài 1 Điền vào chỗ trống. (1 điểm)

Cho các số: 8 363 596 6 736 595 9 875 623 6 709 860

a. Số có chữ số 6 vừa thuộc lớp nghìn vừa thuộc lớp đơn vị là:

b. Các số chẵn là:

c. Các số trên được viết theo thứ tự từ bé đến lớn là:

d. Làm tròn số lớn nhất đến hàng trăm nghìn được số

* Bài 2 Đặt tính rồi tính. (1 điểm)

$$42\,735 + 12\,526$$

$$31\,280 - 9\,248$$

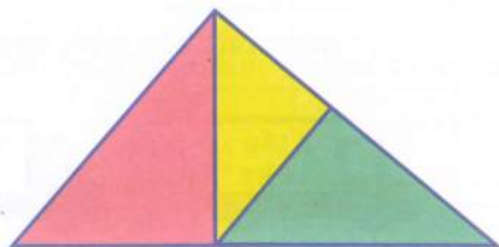
$$15\,116 \times 6$$

$$84\,059 : 7$$

* Bài 3 Số? (1 điểm)

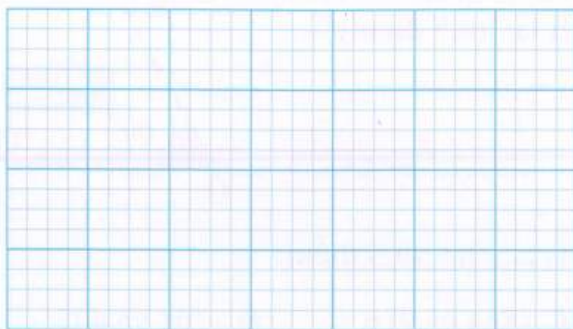
Hình vẽ bên có: góc nhọn, góc tù,

góc vuông, góc bẹt.

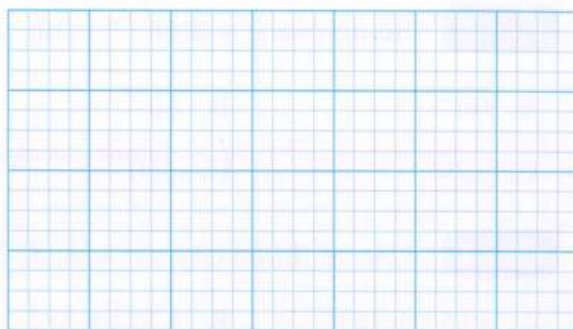


Bài 4**> ; < ; = ? (1 điểm)**7 tấn 28 yến  7 028 kg12 dm² 60 cm²  1 260 cm²9 tạ 3 kg  930 kg6 dm² 5 cm²  60 500 mm²**Bài 5****Tính giá trị của biểu thức. (1 điểm)**

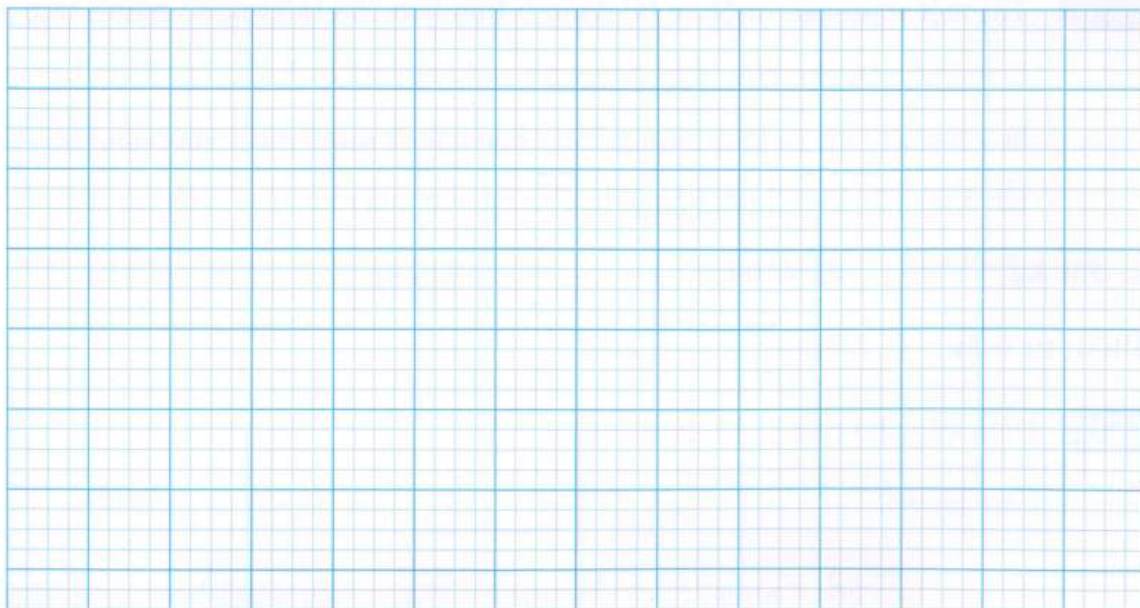
a. $a \times 5 + b \times 5$

với $a = 120$, $b = 80$ 

b. $a + b - c \times 8$

với $a = 350$, $b = 150$, $c = 40$ **Bài 6**

Hiền mua 5 quyển vở, mỗi quyển giá 12 000 đồng. Hiền đưa cho cô bán hàng 100 000 đồng. Vì không để ý nên cô bán hàng đã trả lại Hiền thừa 10 000 đồng. Hỏi cô bán hàng đã trả lại Hiền bao nhiêu tiền? **(1 điểm)**

Bài giải



I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số gồm 7 triệu, 8 trăm nghìn, 5 nghìn, 9 đơn vị được viết là: **(0,5 điểm)**

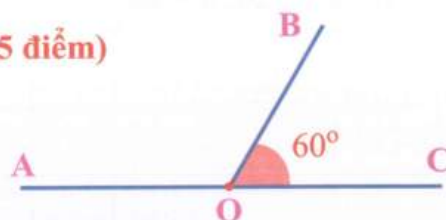
- A. 7 859 B. 7 805 900 C. 7 805 009 D. 7 850 009

Câu 2 Làm tròn số 8 361 383 đến hàng trăm nghìn được số: **(0,5 điểm)**

- A. 8 360 000 B. 8 300 000 C. 8 500 000 D. 8 400 000

Câu 3 Số đo của góc đỉnh O; cạnh OA, OB là: **(0,5 điểm)**

- A. 60° B. 90°
C. 120° D. 150°



Câu 4 Các số thuộc dãy số: 1, 3, 5, 7, 9, 11, là: **(0,5 điểm)**

- A. 115 và 213 B. 320 và 517 C. 864 và 916 D. 201 và 432

Câu 5 Giá trị của của biểu thức $(b - a) \times 5$ với a, b lần lượt là hai số chẵn liên tiếp là: **(0,5 điểm)**

- A. 5 B. 10 C. 15 D. 2

Câu 6 Tại một trạm cân, một xe tải đang ở trên bàn cân (không có người trên xe). Đồng hồ cân cho biết khối lượng xe và hàng hoá là 3 450 kg. Khối lượng xe là 1 tấn 530 kg và khối lượng hàng hoá mà xe được phép chở nặng nhất là 1 tấn 5 tạ. Vậy khối lượng hàng hoá xe đã chở quá mức quy định là: **(0,5 điểm)**

- A. 530 kg B. 450 kg C. 1 420 kg D. 420 kg

II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Điền vào chỗ trống. **(1 điểm)**

Cho các số:

875 271

785 294

857 217

758 196

[illegible]

Bài 2

[illegible]

Bài 3

với $a = 1\,215$ và $b = 290$

[illegible]

với $a = 380$, $b = 125$ và $c = 70$

A blank sheet of graph paper with a light blue background and a white grid. The grid consists of small squares, with larger squares formed by thicker lines. There are 10 columns and 8 rows of small squares, creating a total of 80 small squares. The grid is used for drawing or writing.

Bài 4 Số? (1 điểm)

Hình vẽ bên có:



góc nhọn,



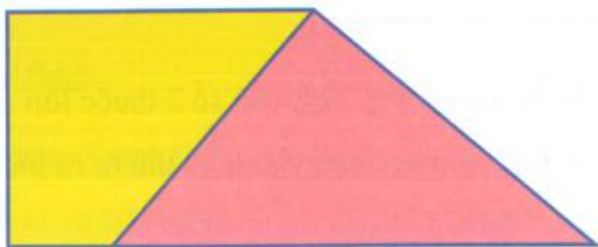
góc tù,



góc vuông,



góc bẹt.



Bài 5 Số? (1 điểm)

1 yến 62 kg = kg

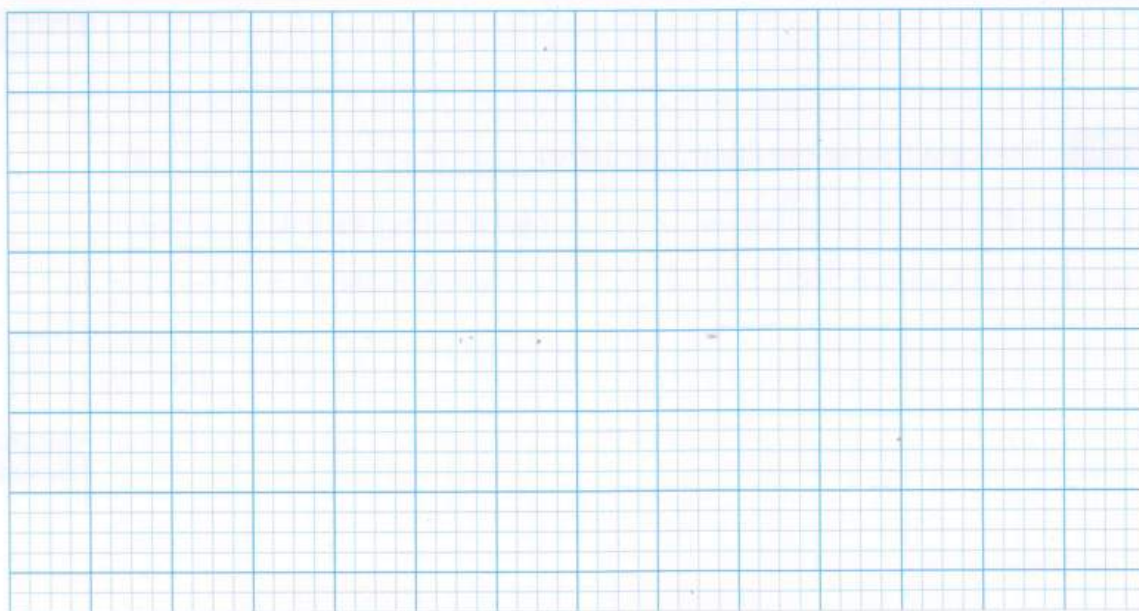
7 tấn 18 yến = kg

15 m² 6 dm² = dm²

8 cm² 70 mm² = mm²

Bài 6 Mọi ngày, một ki-lô-gam cam có giá 25 000 đồng. Hôm nay, cửa hàng có chương trình khuyến mại nên mỗi ki-lô-gam cam giá rẻ hơn mọi ngày 8 000 đồng. Cô Hiền mua 3 kg cam. Cô đưa cho người bán hàng 100 000 đồng. Hỏi người bán hàng phải trả lại cô Hiền bao nhiêu tiền? (2 điểm)

Bài giải





I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

- Câu 1** Số "Một trăm linh tư triệu không trăm tám mươi một nghìn không trăm linh sáu" được viết là: **(0,5 điểm)**
- A. 104 081 006 B. 104 810 006 C. 140 081 060 D. 104 810 600
- Câu 2** Giá trị của chữ số 3 trong số 453 780 969 là: **(0,5 điểm)**
- A. 30 000 000 B. 3 000 000 C. 300 000 D. 30 000
- Câu 3** Làm tròn số nào dưới đây đến hàng trăm nghìn thì được 100 000? **(0,5 điểm)**
- A. 189 785 B. 152 361 C. 94 628 D. 161 278
- Câu 4** Trong các góc dưới đây, góc có số đo góc lớn nhất là: **(0,5 điểm)**
- A. Góc nhọn B. Góc vuông C. Góc tù D. Góc bẹt
- Câu 5** Các số thuộc dãy số: 5, 10, 15, 20, 25, 30, là: **(0,5 điểm)**
- A. 60 và 62 B. 75 và 91 C. 650 và 735 D. 510 và 558
- Câu 6** Cô Hà thuê chú Sơn và bác Minh chở bốn bao gạo (như bức tranh) giao về cùng một địa chỉ cho khách. Chú Sơn có thể chở nhiều nhất 1 tạ 20 kg gạo, bác Minh có thể chở nhiều nhất 1 tạ gạo. Vậy cô Hà nên làm gì? **(0,5 điểm)**



Số 1



Số 2



Số 3



Số 4

- A. Thuê chú Sơn chở bao gạo số 1 và bao gạo số 2, bác Minh chở hai bao còn lại.
- B. Thuê chú Sơn chở bao gạo số 1 và bao gạo số 4, bác Minh chở hai bao còn lại.
- C. Thuê chú Sơn chở bao gạo số 2 và bao gạo số 3, bác Minh chở hai bao còn lại.
- D. Thuê chú Sơn chở bao gạo số 2 và bao gạo số 4, bác Minh chở hai bao còn lại.

II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1

Đ ; S ? (1 điểm)

a. Số gồm 7 triệu, 8 nghìn, 5 chục và 5 đơn vị được viết là 7 008 055.

b. Trong số 12 598 360, chữ số 5 thuộc hàng nghìn, lớp nghìn.

c. Trong số 271 653 894, chữ số 7 có giá trị là 7 000 000.

d. Hai số tự nhiên liên tiếp hơn kém nhau 2 đơn vị.

Bài 2

Đặt tính rồi tính. (1 điểm)

$$67\,458 + 13\,219$$

$$35\,647 - 13\,828$$

$$23\,218 \times 4$$

$$28\,566 : 4$$

Bài 3

Tính giá trị của biểu thức. (1 điểm)

a. $a + b \times 3$ với $a = 260$, $b = 80$

b. $a - b : c$ với $a = 3\,615$, $b = 3\,075$, $c = 5$

Bài 4

$>$; $<$; $=$? (1 điểm)

12 tạ 8 yến  1 028 kg

6 tấn 5 yến  1 815 yến : 3

5 m² 2 dm²  50 002 cm²

3 dm² 25 mm²  6 050 mm² × 5

Bài 5 Số? (1 điểm)

Hình vẽ bên có:



góc nhọn,



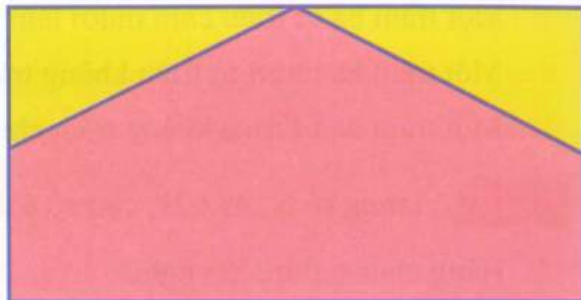
góc tù,



góc vuông,



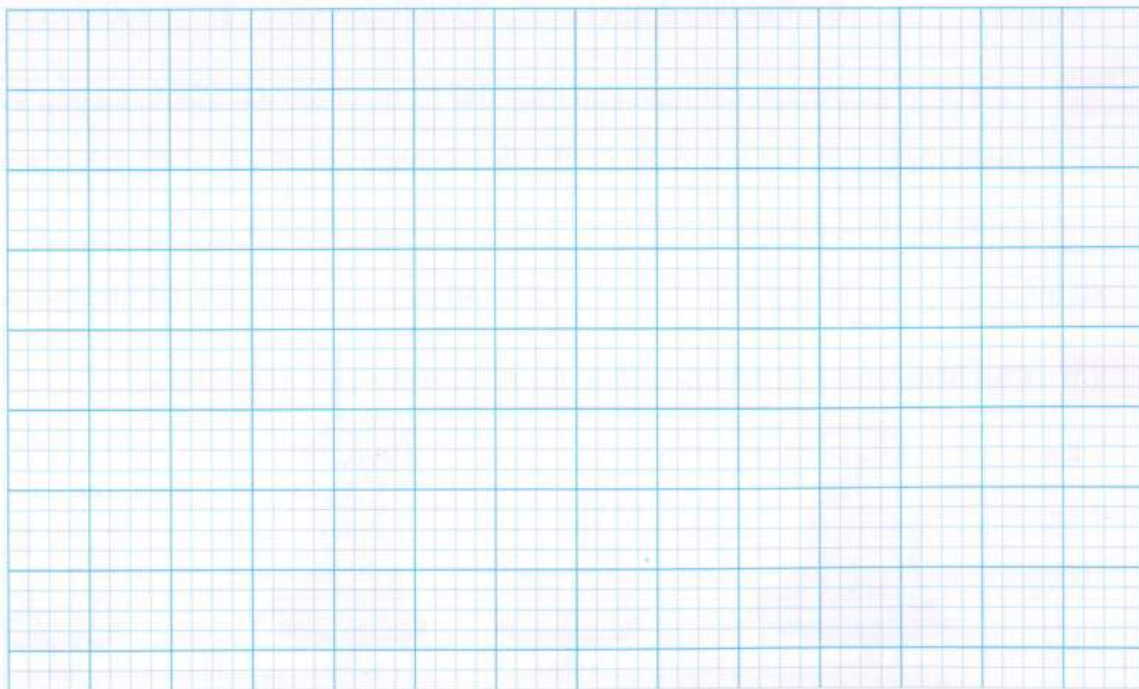
góc bẹt.



Bài 6

An và Bình tát vét ở một con mương gần nhà. Cả hai bắt được 1 yến cá tép. Hai bạn giữ lại 2 kg cá tép để làm thức ăn, số còn lại đem bán lấy tiền. Mỗi ki-lô-gam cá tép có giá 12 000 đồng. Sau khi bán hết cá tép, hai bạn chia đều số tiền kiếm được. Hỏi mỗi bạn nhận được bao nhiêu tiền? (2 điểm)

Bài giải





I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số 134 095 314 đọc là: **(0,5 điểm)**

- A. Một trăm ba mươi tư triệu không trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm mười bốn
- B. Một trăm ba mươi tư triệu chín mươi lăm nghìn ba trăm mười bốn
- C. Một trăm ba mươi tư triệu không trăm chín mươi năm nghìn ba trăm mười bốn
- D. Một trăm ba mươi tư triệu không trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm mười bốn

Câu 2 Trong số 5 148 627, chữ số 6 thuộc: **(0,5 điểm)**

- A. Hàng chục nghìn, lớp nghìn
- B. Hàng nghìn, lớp nghìn
- C. Hàng trăm, lớp đơn vị
- D. Hàng triệu, lớp triệu

Câu 3 Bác Hồ sinh năm 1890, năm đó thuộc thế kỉ: **(0,5 điểm)**

- A. XVII
- B. XVIII
- C. XIX
- D. XX

Câu 4 Trong số 2 815 794, giá trị của chữ số 8 hơn giá trị của chữ số 1 số đơn vị là: **(0,5 điểm)**

- A. 7 đơn vị
- B. 790 000 đơn vị
- C. 79 000 đơn vị
- D. 7 900 đơn vị

Câu 5 Cô Hà có một mảnh đất hình chữ nhật dài 32 m, chiều dài mảnh đất gấp 4 lần chiều rộng. Cô chia mảnh đất đó thành 4 lô bằng nhau. Vậy diện tích của mỗi lô đất là: **(0,5 điểm)**

- A. 80 m^2
- B. 32 m^2
- C. 60 m^2
- D. 64 m^2

Câu 6 Cân nặng của con mèo (như bức tranh dưới đây) là: **(0,5 điểm)**

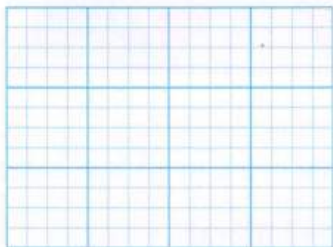
- A. 7 kg
- B. 4 kg
- C. 19 kg
- D. 5 kg



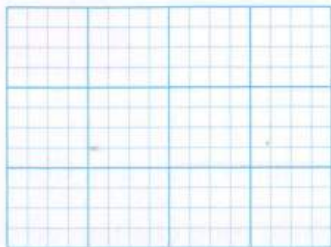
II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Đặt tính rồi tính. (1 điểm)

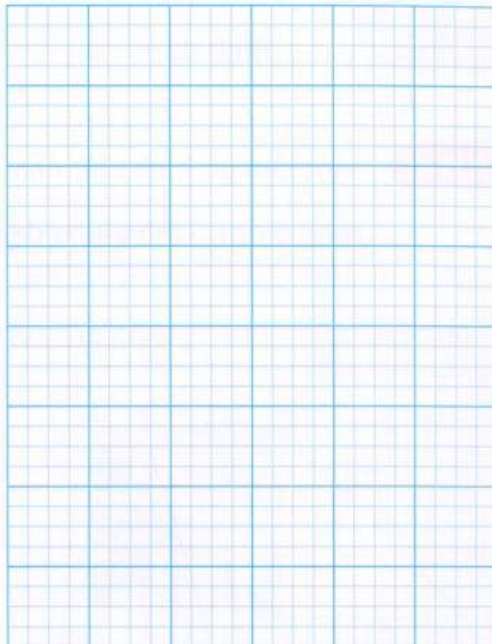
$182\ 555 + 74\ 829$



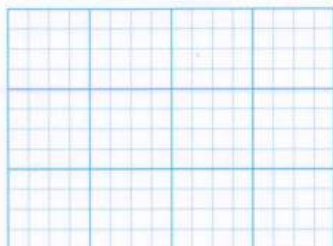
$956\ 328 - 273\ 509$



$85\ 579 : 5$

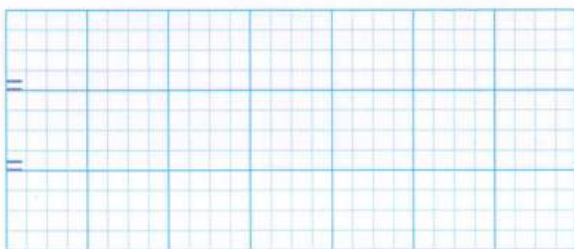


$17\ 219 \times 4$

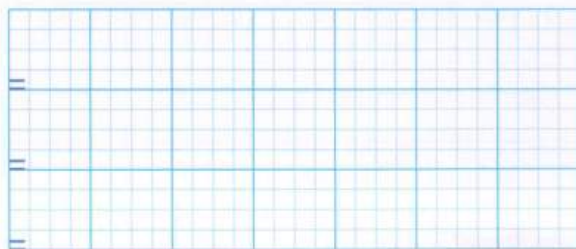


Bài 2 Tính giá trị của biểu thức. (1 điểm)

$281\ 250 + 7\ 015 \times 4$



$250\ 000 + 12\ 860 : 4 - 53\ 215$



Bài 3 $> ; < ; =$? (1 điểm)

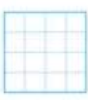
$7\ \text{tấn}\ 650\ \text{kg} \quad \square \quad 21\ 645\ \text{kg} : 3$



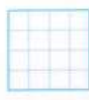
$2\ \text{m}^2\ 45\ \text{dm}^2 \quad \square \quad 170\ \text{dm}^2 + 75\ \text{dm}^2$



$6\ \text{tấn}\ 18\ \text{yến} \quad \square \quad 3\ 125\ \text{kg} \times 2$



$2\ 060\ \text{cm}^2 \times 5 \quad \square \quad 1\ \text{m}^2\ 800\ \text{cm}^2$



Bài 4 Số? (1 điểm)

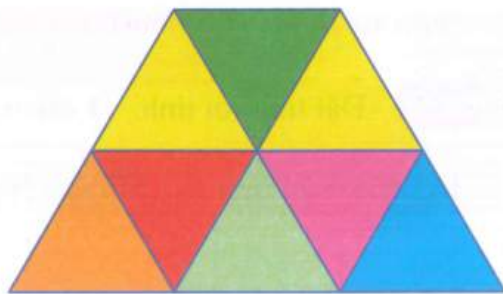
Hình vẽ bên có:



hình bình hành,



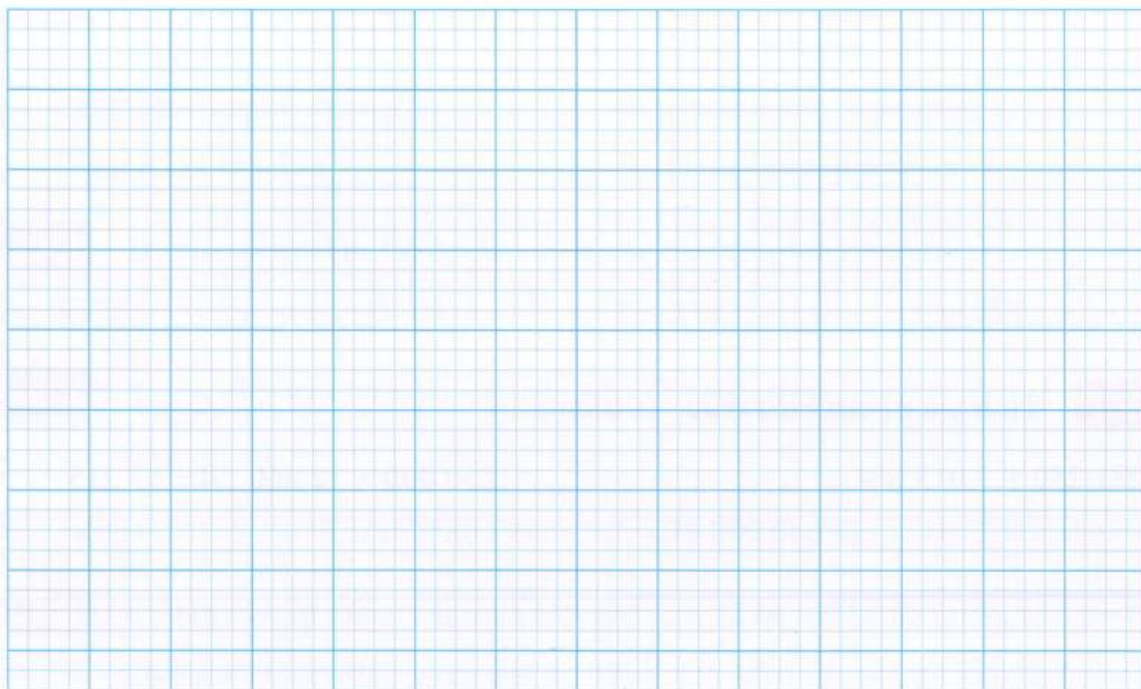
hình thoi.



Bài 5

Một tấm gỗ hình chữ nhật có chu vi là 36 dm. Chiều dài của tấm gỗ hơn chiều rộng 6 dm. Tính chiều dài, chiều rộng của tấm gỗ đó. **(2 điểm)**

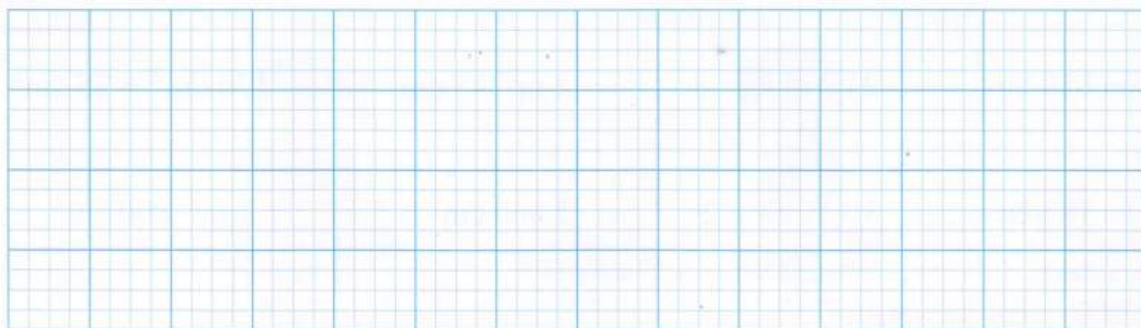
Bài giải



Bài 6

Tính bằng cách thuận tiện nhất. **(1 điểm)**

$$1 + 3 + 5 + 7 + 9 + 11 + 13 + 15 + 17 + 19$$





I. Phần trắc nghiệm. (4 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số "Tám mươi lăm triệu chín trăm linh tư nghìn không trăm ba mươi một" được viết là: **(0,5 điểm)**

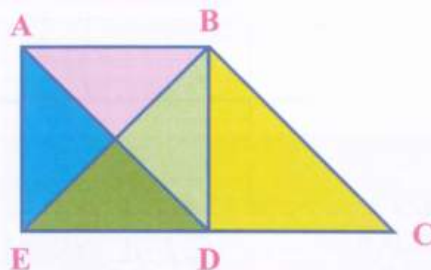
- A. 85 094 031 B. 805 904 031 C. 85 940 301 D. 85 904 031

Câu 2 Làm tròn số 876 152 529 đến hàng trăm nghìn được: **(0,5 điểm)**

- A. 876 000 000 B. 876 200 000 C. 876 100 000 D. 876 300 000

Câu 3 Đoạn thẳng BE vuông góc với đoạn thẳng: **(0,5 điểm)**

- A. AB B. BC
C. AD D. Cả B và C đều đúng.



Câu 4 Trong số 6 125 037, giá trị của chữ số 1 hơn giá trị của chữ số 5 số đơn vị là: **(0,5 điểm)**

- A. 4 đơn vị B. 50 000 đơn vị C. 95 000 đơn vị D. 10 500 đơn vị

Câu 5 a và b lần lượt là hai số lẻ liên tiếp, $a + b = 252$. Vậy a bằng: **(0,5 điểm)**

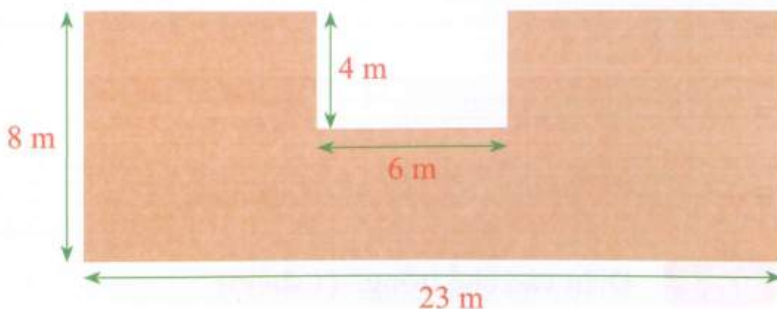
- A. 125 B. 126 C. 127 D. 128

Câu 6 Năm 968, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi hoàng đế, năm đó thuộc thế kỉ: **(0,5 điểm)**

- A. IX B. X C. XI D. XII

Câu 7 Một mảnh đất có kích thước như hình dưới đây. Vậy diện tích của mảnh đất đó là: **(1 điểm)**

- A. 184 m^2
B. 138 m^2
C. 92 m^2
D. 160 m^2



II. Phần tự luận. (6 điểm)

Bài 1 Đặt tính rồi tính. (1 điểm)

$$1\,621\,581 + 97\,609$$

[illegible]

854 162 - 127 080

A blank 10x10 grid for graphing, consisting of 10 columns and 10 rows of squares. The grid is used for plotting the graph of the function $y = \frac{1}{2}x^2$.

$$68\ 768 : 4$$

This image shows a full page of blank graph paper. The grid consists of thin, light blue horizontal and vertical lines that intersect to form small squares across the entire surface. There are no margins, text, or other markings on the paper.

$27\,250 \times 3$

Bài 2 Số? (1 điểm)

9 thế kỉ =

 năm

5 phút 15 giây =

 giây

[illegible]

$$9 \text{ m}^2 \ 85 \text{ cm}^2 = \boxed{} \text{ cm}^2$$

Bài 3 Tính bằng cách thuận tiện nhất. (1 điểm)

$$128 + 255 + 145 + 472$$

[illegible]

$$3\,850 + (2\,680 + 1\,150) + 2\,320$$

[illegible]

Bài 4 Điền vào chỗ trống. (1 điểm)

- Đoạn thẳng BH vuông góc với đoạn thẳng:



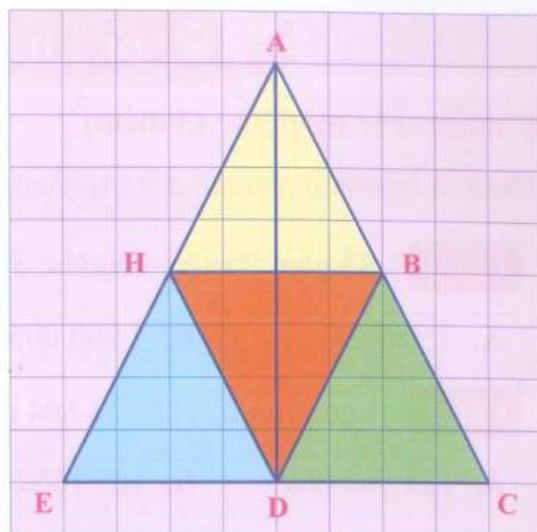
- Đoạn thẳng BH song song với các đoạn thẳng:



- Tên hình thoi là:



- Tên các hình bình hành là:

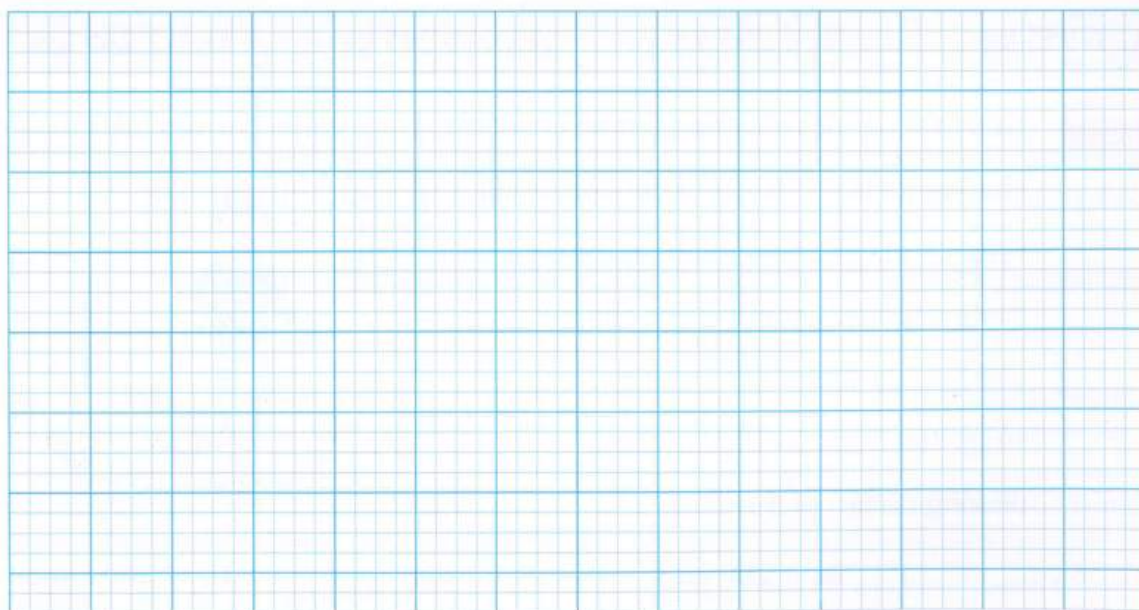


Bài 5

Chú Tư dự định đổ cát san lấp mảnh đất hình chữ nhật dài 15 m và rộng 8 m. Theo như chú tính toán, cứ mỗi 1 m^2 đất cần 2 tấn để san lấp. Mỗi chuyến xe chở được 8 tấn cát. Hỏi để vừa đủ cát san lấp mảnh đất đó cần bao nhiêu chuyến xe chở cát? **(2 điểm)**



Bài giải





I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

- Câu 1** Số gồm 7 triệu, 9 nghìn, 8 trăm và 5 đơn vị được viết là: **(0,5 điểm)**
 A. 7 985 B. 7 908 005 C. 7 009 805 D. 7 090 850
- Câu 2** Làm tròn số 125 736 804 đến hàng trăm nghìn được: **(0,5 điểm)**
 A. 125 000 000 B. 125 700 000 C. 125 800 000 D. 125 600 000
- Câu 3** Trong số 1 763 692, giá trị của chữ số 6 thuộc lớp đơn vị gấp giá trị của chữ số 2 số lần là: **(0,5 điểm)**
 A. 30 000 lần B. 3 000 lần C. 300 lần D. 30 lần
- Câu 4** Hà phải đợi 4 năm mới được đón sinh nhật một lần. Vậy sinh nhật của Hà là: **(0,5 điểm)**
 A. Ngày 29 tháng 2 B. Ngày 28 tháng 2 C. Ngày 29 tháng 3 D. Ngày 31 tháng 3
- Câu 5** Bác Minh thả vào ao thứ nhất 5 tấn 35 kg cá. Số cá bác thả vào ao thứ hai nhiều hơn ao thứ nhất 1 tấn 2 yến. Số cá bác Minh thả vào ao thứ ba ít hơn ao thứ hai 8 tạ 50 kg. Vậy số cá bác Minh thả vào ba ao tất cả là: **(0,5 điểm)**
 A. 6 055 kg B. 5 205 kg C. 16 295 kg D. 17 285 kg
- Câu 6** Chú Sơn có một chuồng gà hình chữ nhật. Tổng chiều dài và chiều rộng của chuồng gà là 43 m, chiều dài hơn chiều rộng 27 m. Chú muốn nuôi một số gà trong chuồng. Cứ mỗi 1 m^2 chuồng, chú Sơn dự định nuôi 5 con gà. Vậy số gà chú Sơn có thể nuôi trong chuồng đó là: **(0,5 điểm)**



- A. 56 con B. 1 200 con C. 1 000 con D. 1 400 con

II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Đặt tính rồi tính. (2 điểm)

$$526\ 125 + 280\ 937$$

$$608\ 162 - 145\ 728$$

$$98\ 756 : 7$$

$$48\ 126 \times 2$$

Bài 2 Số? (1 điểm)

$$7\ \text{tấn}\ 15\ \text{yến} = \boxed{}\ \text{kg}$$

$$5\ \text{dm}^2\ 8\ \text{mm}^2 = \boxed{}\ \text{mm}^2$$

$$1\ \text{tuần} = \boxed{}\ \text{giờ}$$

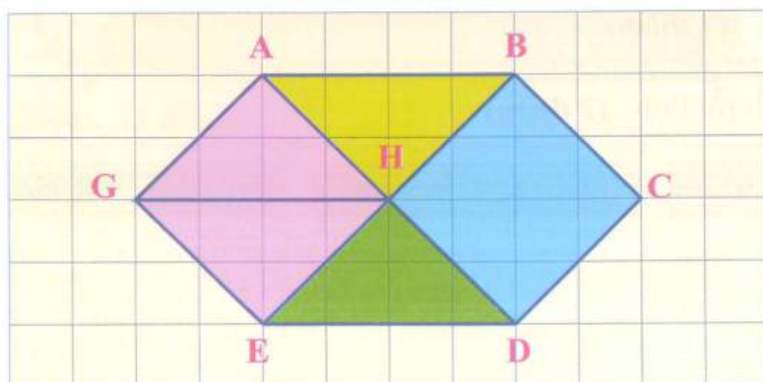
$$6\ \text{phút}\ 45\ \text{giây} = \boxed{}\ \text{giây}$$

Bài 3 Tính bằng cách thuận tiện nhất. (1 điểm)

$$2\ 285 + 2\ 075 + 4\ 615 + 1\ 025$$

$$73\ 128 + 35\ 629 - 5\ 629 - 3\ 128$$

Bài 4 Đ ; S ? (1 điểm)



Trong hình vẽ trên:



a. AHEG là hình thoi.



b. Có 2 đoạn thẳng vuông góc với đoạn thẳng BE.



c. Có 5 hình bình hành.

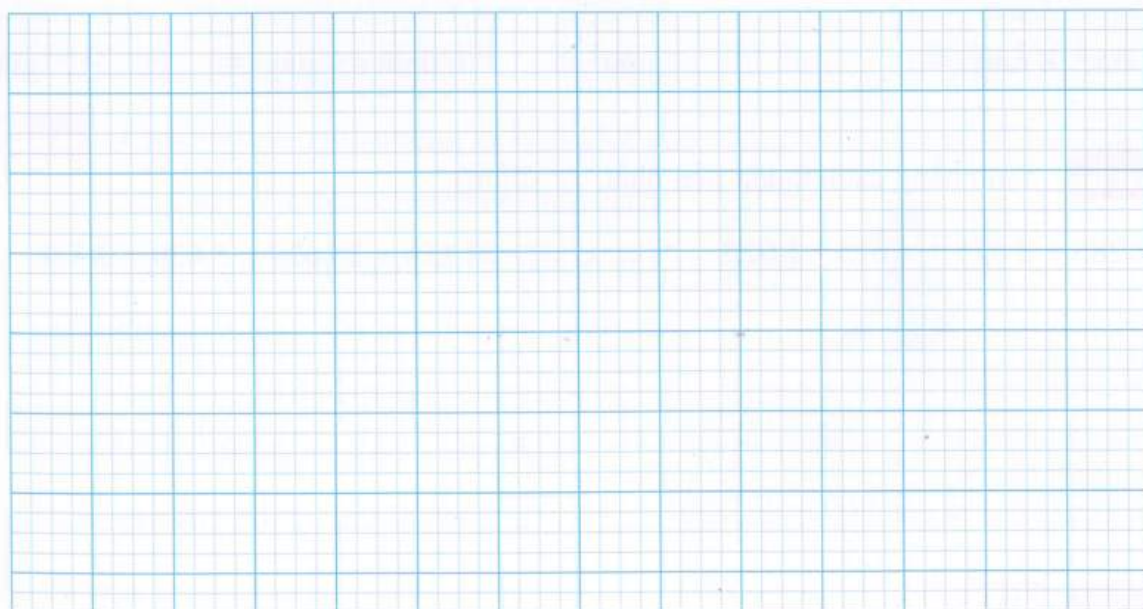


d. Góc đỉnh H; cạnh HG, HB là góc nhọn.

Bài 5

Hai chị em Hà và An mua một chiếc mũ tặng mẹ. Hai chị em đưa cho người bán hàng 100 000 đồng, người bán hàng trả lại hai chị em 12 000 đồng. Số tiền mua mũ là số tiền hai chị em cùng nhau góp lại. Chị Hà góp nhiều hơn em An 8 000 đồng. Hỏi mỗi người đã góp bao nhiêu tiền? **(2 điểm)**

Bài giải





I. Phần trắc nghiệm. (4 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Trong các số dưới đây, số có chữ số 8 thuộc lớp nghìn là: **(0,5 điểm)**

- A. 1 278 369 B. 8 316 570 C. 7 160 829 D. 217 398

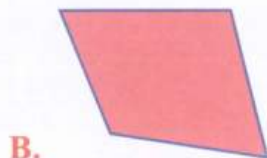
Câu 2 Số lớn nhất trong các số 619 987, 525 101, 620 075, 512 489 là: **(0,5 điểm)**

- A. 619 987 B. 525 101 C. 620 075 D. 519 489

Câu 3 Số 6 367 812 làm tròn đến hàng trăm nghìn là: **(0,5 điểm)**

- A. 6 300 000 B. 6 400 000 C. 6 200 000 D. 6 370 000

Câu 4 Trong các hình dưới đây, hình có cặp cạnh song song là: **(0,5 điểm)**



Câu 5 Năm 2010 kỉ niệm 1 000 năm Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long (Hà Nội ngày nay). Vậy năm mà Lý Thái Tổ dời đô thuộc thế kỉ: **(0,5 điểm)**

- A. X B. XI C. XX D. XXI

Câu 6 Tổng chiều dài và chiều rộng của một hình chữ nhật là 20 dm. Nếu giảm chiều dài đi 4 dm thì được chiều rộng. Vậy diện tích hình chữ nhật đó là: **(0,5 điểm)**

- A. 160 dm² B. 80 dm² C. 86 dm² D. 96 dm²

Câu 7 Hôm nay, mẹ Hiền sẽ đi thu mua thóc của hai gia đình nên nhờ Hiền chuẩn bị một số bao để đựng. Mỗi bao đựng 5 yến thóc. Mẹ Hiền sẽ thu mua của gia đình thứ nhất 2 tấn 3 tạ thóc. Số thóc mẹ Hiền thu mua của gia đình thứ hai nhiều hơn gia đình thứ nhất 2 tạ 20 yến thóc. Vậy số bao đựng thóc Hiền cần giúp mẹ chuẩn bị là: **(1 điểm)**

- A. 46 bao B. 54 bao C. 96 bao D. 100 bao

II. Phần tự luận. (6 điểm)

Bài 1 Đặt tính rồi tính. (1 điểm)

$$325\ 258 + 183\ 450$$

$$267\ 458 - 81\ 541$$

$$89\ 658 : 8$$

$$15\ 218 \times 4$$

Bài 2 $> ; < ; =$? (1 điểm)

$$6\ \text{tấn}\ 15\ \text{yến} \quad \begin{array}{|c|c|} \hline & \\ \hline & \\ \hline & \\ \hline & \\ \hline \end{array} \quad 10\ 280\ \text{kg} - 4\ 280\ \text{kg}$$

$$8\ \text{m}^2\ 360\ \text{cm}^2 \quad \begin{array}{|c|c|} \hline & \\ \hline & \\ \hline & \\ \hline & \\ \hline \end{array} \quad 1\ 500\ \text{cm}^2 \times 6$$

$$120\ \text{yến} \times 5 \quad \begin{array}{|c|c|} \hline & \\ \hline & \\ \hline & \\ \hline & \\ \hline \end{array} \quad 5\ \text{tấn}\ 12\ \text{tạ}$$

$$3\ 840\ \text{mm}^2 : 3 \quad \begin{array}{|c|c|} \hline & \\ \hline & \\ \hline & \\ \hline & \\ \hline \end{array} \quad 12\ \text{cm}^2\ 80\ \text{mm}^2$$

Bài 3 Tính bằng cách thuận tiện nhất. (1 điểm)

$$325 + 416 + 275 + 284$$

$$3\ 600 + (1\ 210 + 2\ 400) + 2\ 790$$

Bài 4 Đ ; S ? (1 điểm)

Trong hình vẽ bên:



a. ABCD là hình thoi.



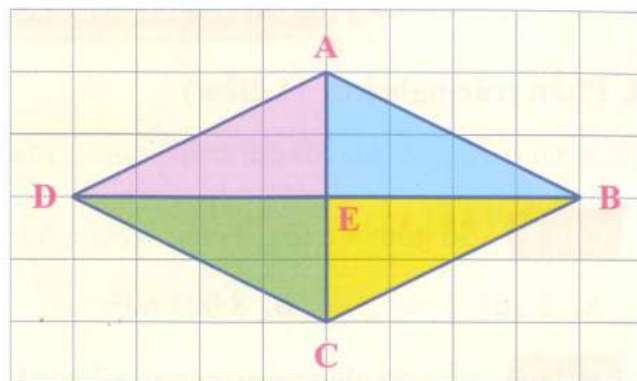
b. AD song song với BE.



c. AC vuông góc với BD.



d. E là trung điểm của BD.

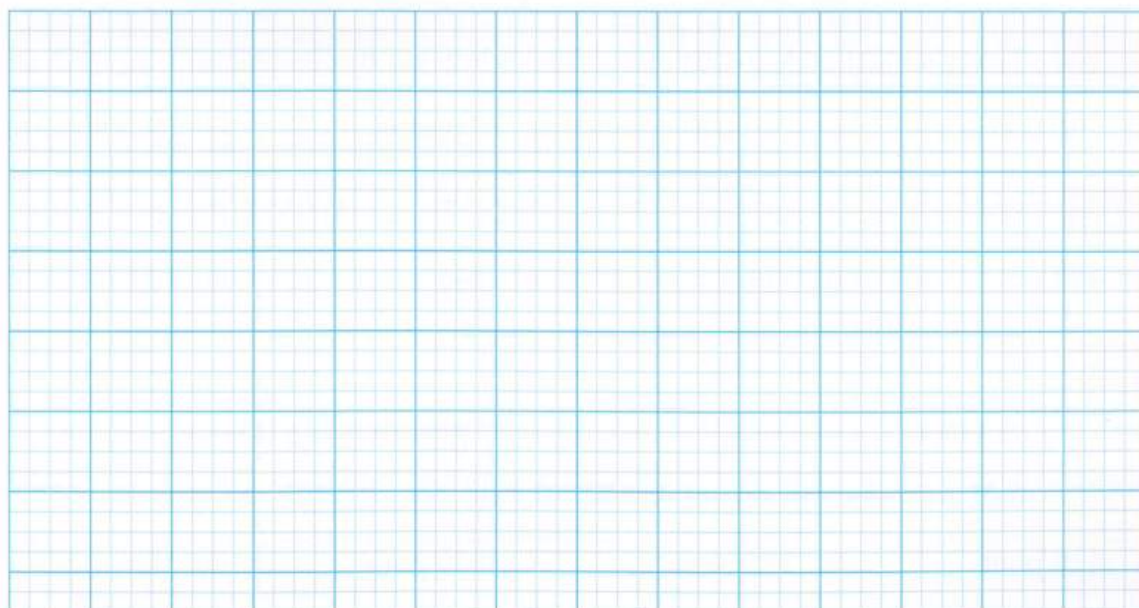


Bài 5

An và Bình cùng nhau tham gia phần thi chạy tiếp sức. Hai bạn đã hoàn thành phần thi với thời gian là 5 phút 12 giây. Cả hai chạy quãng đường như nhau nhưng An hoàn thành quãng đường chạy của mình nhanh hơn Bình là 30 giây. Tính thời gian An, Bình hoàn thành quãng đường chạy của mình. (2 điểm)



Bài giải





I. Phần trắc nghiệm. (4 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

- Câu 1** Số gồm 8 triệu, 3 chục nghìn, 6 trăm và 7 đơn vị là: **(0,5 điểm)**
 A. 8 367 B. 8 003 607 C. 8 030 607 D. 8 300 670
- Câu 2** Số nhỏ nhất trong các số 672 751, 493 738, 672 198, 476 945 là: **(0,5 điểm)**
 A. 672 751 B. 493 738 C. 672 198 D. 476 945
- Câu 3** Làm tròn số 78 351 829 đến hàng trăm nghìn được số: **(0,5 điểm)**
 A. 78 350 000 B. 78 300 000 C. 78 200 000 D. 78 400 000
- Câu 4** Lễ kỉ niệm 600 năm ngày sinh của Đại thi hào Nguyễn Trãi được tổ chức vào năm 1980. Vậy Đại thi hào Nguyễn Trãi được sinh ra ở thế kỉ: **(0,5 điểm)**
 A. XIII B. XIV C. XIX D. XX
- Câu 5** Hình có 2 góc nhọn, 2 góc tù và 2 cặp cạnh song song là: **(0,5 điểm)**
 A.  B.  C.  D. 
- Câu 6** Trong số 801 535, giá trị của chữ số 8 hơn giá trị của chữ số 1 là: **(0,5 điểm)**
 A. 790 000 đơn vị B. 799 000 đơn vị C. 7 đơn vị D. 79 000 đơn vị
- Câu 7** Số thứ tám trong dãy số 212, 232, 252, 272, là: **(0,5 điểm)**
 A. 352 B. 312 C. 332 D. 302
- Câu 8** Có 3 xe chở thóc về một cơ sở xay sát, mỗi xe có 40 bao và mỗi bao đựng 5 yến thóc. Cơ sở xay sát đó mất 1 giờ 15 phút để xay sát xong 1 tấn thóc. Vậy thời gian để cơ sở đó xay sát hết số thóc trên là: **(0,5 điểm)**
 A. 420 phút B. 375 phút C. 450 phút D. 480 phút

II. Phần tự luận. (6 điểm)

Bài 1 Đặt tính rồi tính. (1 điểm)

$$245\,718 + 93\,612$$

A blank 10x10 grid for graphing, with a horizontal axis and a vertical axis intersecting at the center.

206 514 - 91 608

A blank sheet of graph paper with a grid pattern. The grid consists of small squares formed by light blue lines. There are also thicker blue lines forming a larger grid, dividing the page into four equal quadrants. The top-left quadrant contains a small, faint watermark logo.

$32\,418 : 3$

This image shows a full page of blank graph paper. The grid consists of thin, light blue horizontal and vertical lines that intersect to form small squares across the entire surface. There are no margins, text, or other markings on the paper.

$12\ 104 \times 6$

Bài 2 $> ; < ; =$? (1 điểm)

8 tấn 182 kg



$$3\,752\text{ kg} + 3\,828\text{ kg}$$

$2 \text{ m}^2 \quad 170 \text{ dm}^2$



$$1\,480\text{ dm}^2 : 4$$

190 tấn : 5

32 tấn 80 yến

$$6\,140\text{ cm}^2 \times 6$$

$3 \text{ m}^2 \quad 80 \text{ dm}^2$

Bài 3 Tính bằng cách thuận tiện nhất. (1 điểm)

$$51\,360 + 8\,285 + 640$$

[illegible]

$$32\,380 + 1\,270 + 2\,620 + 3\,730$$

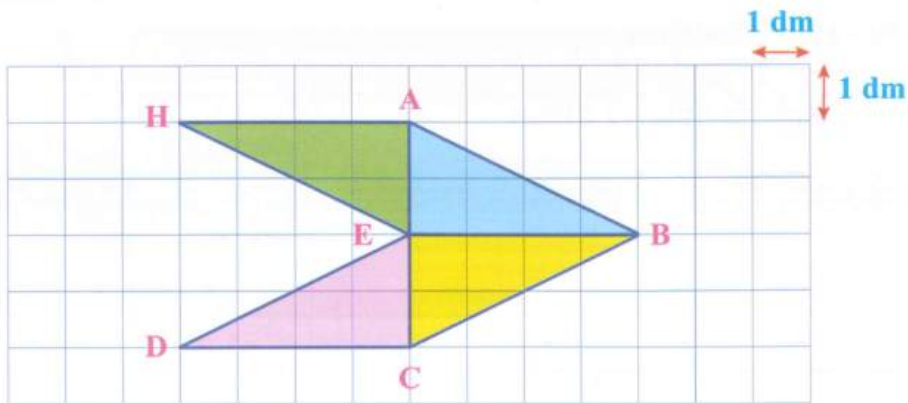
[illegible]

Bài 4 **Đ ; S** ? (1 điểm)

Bài 4

D ; S

? (1 điểm)



Trong hình vẽ trên:



a. AHEB là hình thoi.



b. Có 2 đoạn thẳng song song với đoạn thẳng AH.



c. Góc đỉnh E; cạnh EA, EC có số đo là 90° .

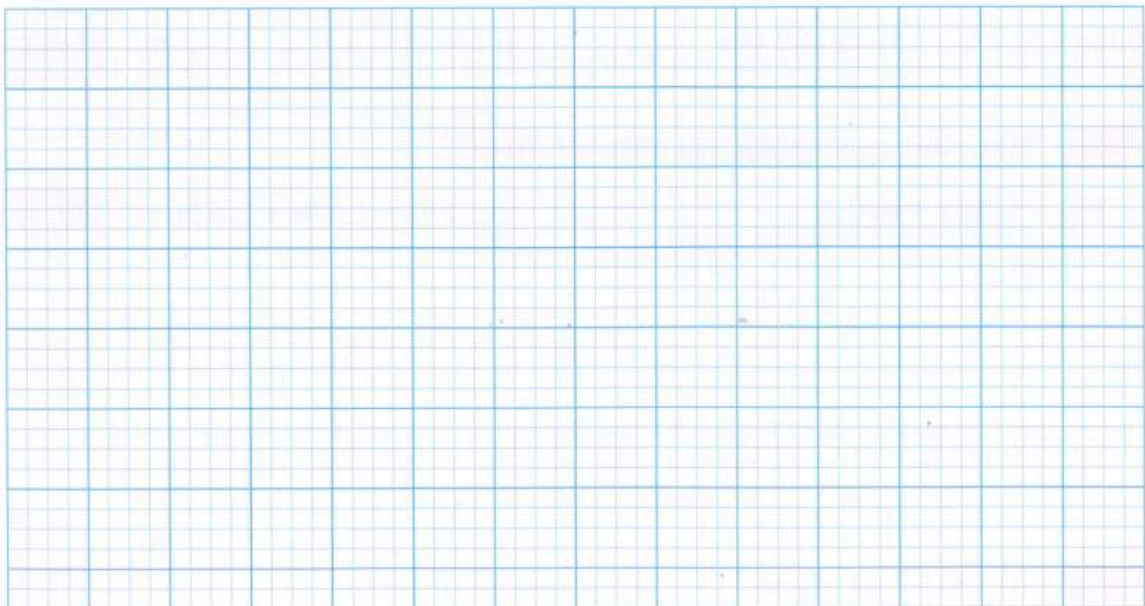


d. Diện tích của phần tô màu là $1\,600\text{ cm}^2$.

Bài 5

Bố mẹ có một mảnh đất hình chữ nhật dài 30 m và rộng 8 m. Lúc đầu, bố mẹ chia cho người anh diện tích đất lớn hơn người em. Vì thương em nên người anh đã lấy 20 m^2 đất của mình cho người em. Khi đó, diện tích đất của hai anh em bằng nhau. Tính diện tích đất bố mẹ chia cho người anh lúc đầu. **(2 điểm)**

Bài giải





I. Phần trắc nghiệm. (4 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số "Tám mươi tư triệu hai trăm linh năm nghìn không trăm linh chín" được viết là: **(0,5 điểm)**

- A. 81 250 009 B. 84 205 090 C. 82 405 009 D. 84 205 009

Câu 2 Trong số 1 965 581, giá trị của chữ số 6 là: **(0,5 điểm)**

- A. 600 000 B. 60 000 C. 6 000 D. 600

Câu 3 Làm tròn số 18 635 984 đến hàng trăm nghìn được: **(0,5 điểm)**

- A. 18 000 000 B. 18 700 000 C. 18 500 000 D. 18 600 000

Câu 4 Trong các hình dưới đây, hình có nhiều góc nhọn nhất là: **(0,5 điểm)**



Câu 5 Năm 1400, Hồ Quý Ly lên ngôi vua, lập ra triều đại nhà Hồ. Năm đó thuộc thế kỉ: **(0,5 điểm)**

- A. XIV B. XV C. XVI D. XVII

Câu 6 a và b lần lượt là hai số tự nhiên liên tiếp, $a + b = 325$. Vậy a bằng: **(0,5 điểm)**

- A. 163 B. 162 C. 160 D. 152

Câu 7 Trong các số đo dưới đây, số đo lớn nhất là: **(0,5 điểm)**

- A. $5 \text{ m}^2 17 \text{ dm}^2$ B. $500 \text{ dm}^2 17 \text{ cm}^2$ C. $5 \text{ m}^2 170 \text{ cm}^2$ D. $50 700 \text{ cm}^2$

Câu 8 Năm nay, bác Tâm thu hoạch được 5 tấn 80 yến vải thiều. Bác dùng một nửa số vải thiều đó làm vải sấy khô. Cứ 5 kg vải tươi cho ra thành phẩm là 1 kg vải sấy khô. Vậy khối lượng vải sấy khô bác Tâm thu được là: **(0,5 điểm)**

- A. 1 160 kg B. 508 kg C. 580 kg D. 1 016 kg

II. Phần tự luận. (6 điểm)

Bài 1 Điền vào chỗ trống. (1 điểm)

Cho các số:

2 510 395

1 815 961

2 504 028

1 295 674

a. Số 2 504 028 đọc là

b. Các số lẻ là:

c. Trong số 1 295 674, chữ số 6 thuộc hàng

--	--	--	--

, lớp

, lớp

[illegible]

d. Các số trên được viết theo thứ tự từ lớn đến bé là:

Bài 2 Đặt tính rồi tính. (1 điểm)

$$298\,256 + 370\,819$$

A blank sheet of graph paper with a grid pattern. The grid consists of small squares formed by thin blue lines. There are also thicker blue lines that divide the page into four equal quadrants, creating a larger grid structure. The background of the paper is white.

102 618 - 31 328

$$45\,308 : 5$$

This image shows a full page of blank graph paper. The grid consists of small squares formed by thin, light blue lines. There are no margins, text, or other markings on the page.

$9\,152 \times 3$

[illegible]

Bài 3 $> ; < ; =$? (1 điểm)

$$> ; < ; =$$

$$5 \text{ tấn } 85 \text{ kg} \quad \square \quad 8 \text{ 708 kg} - 2 \text{ 655 kg}$$

$$60 \text{ m}^2 \text{ 60 dm}^2 \quad \square \quad 1 \text{ 515 dm}^2 \times 4$$

$$516 \text{ yên} \times 5 \quad \square \quad 2 \text{ tấn } 62 \text{ tạ}$$

$$80 \text{ 850 mm}^2 : 5 \quad \square \quad 2 \text{ dm}^2 \text{ 8 cm}^2$$

Bài 4 Số? (1 điểm)

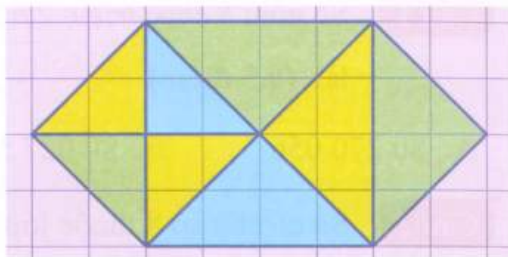
Hình vẽ bên có:



hình bình hành và

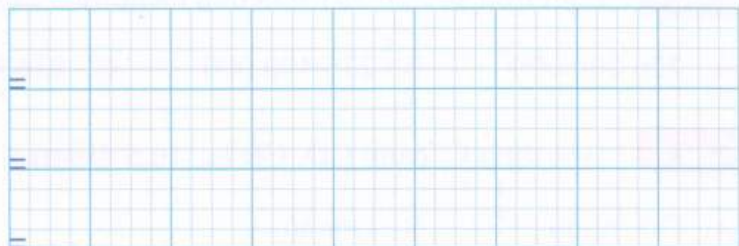


hình thoi.



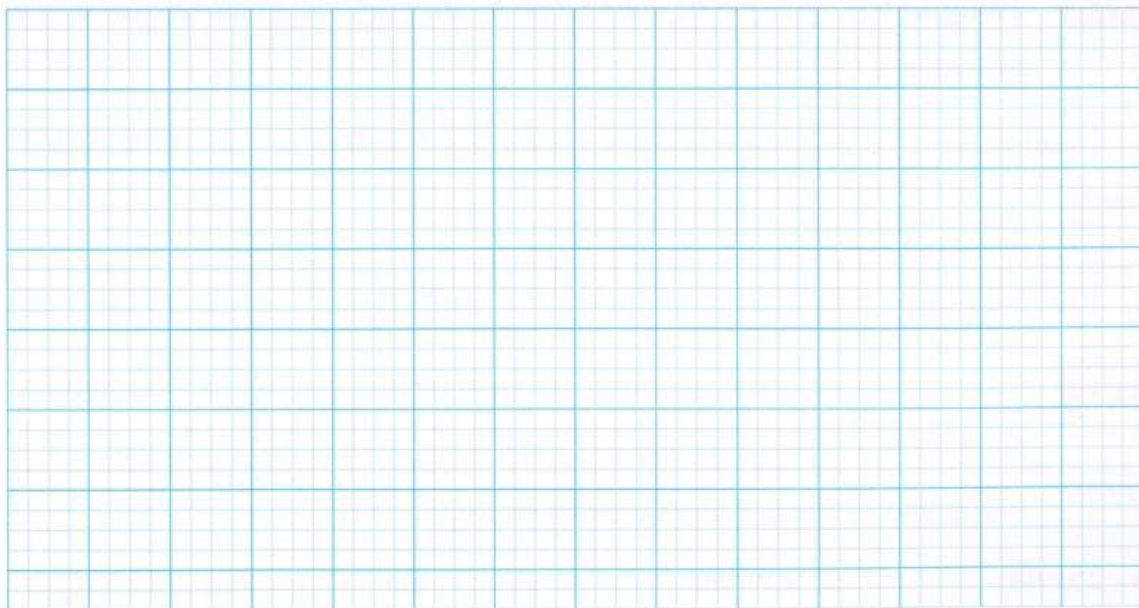
Bài 5 Tính bằng cách thuận tiện nhất. (1 điểm)

$$5 \text{ 427} + 1 \text{ 138} + 1 \text{ 362} + 2 \text{ 073} =$$



Bài 6 Mẹ đưa cho Hà 100 000 đồng và nhờ Hà đi mua 1 chai nước mắm, 1 chai tương ớt. Khi về nhà, Hà gửi lại mẹ 45 000 đồng tiền thừa. Chai nước mắm đắt hơn chai tương ớt 21 000 đồng. Hỏi mỗi chai có giá bao nhiêu tiền? (1 điểm)

Bài giải





I. Phần trắc nghiệm. (4 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số gồm 8 chục triệu, 2 trăm nghìn, 7 chục nghìn, 5 chục và 6 đơn vị được viết là: **(0,5 điểm)**

- A. 80 270 056 B. 80 027 560 C. 82 700 560 D. 80 207 056

Câu 2 Số có chữ số 8 thuộc lớp đơn vị là: **(0,5 điểm)**

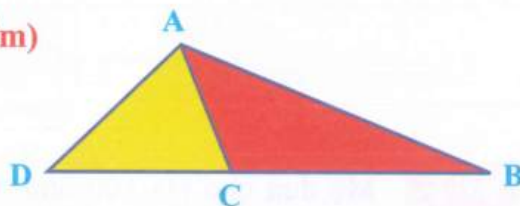
- A. 78 165 304 B. 75 892 431 C. 19 361 805 D. 81 253 647

Câu 3 Làm tròn số 226 351 983 đến hàng trăm nghìn được: **(0,5 điểm)**

- A. 226 200 000 B. 226 400 000 C. 226 300 000 D. 226 000 000

Câu 4 Góc đỉnh C; cạnh CD, CB là: **(0,5 điểm)**

- A. Góc nhọn B. Góc tù
C. Góc vuông D. Góc bẹt



Câu 5 Năm nhuận có số ngày là: **(0,5 điểm)**

- A. 364 ngày B. 365 ngày C. 366 ngày D. 360 ngày

Câu 6 Trong số 658 342, giá trị của chữ số 6 hơn giá trị của chữ số 5 số đơn vị là: **(0,5 điểm)**

- A. 1 đơn vị B. 55 000 đơn vị C. 550 000 đơn vị D. 65 000 đơn vị

Câu 7 Trong các số đo dưới đây, số đo nhỏ nhất là: **(0,5 điểm)**

- A. $1 \text{ m}^2 5 \text{ dm}^2$ B. $100 \text{ dm}^2 5 \text{ cm}^2$ C. $1 \text{ m}^2 50 \text{ mm}^2$ D. $15 000 \text{ mm}^2$

Câu 8 Một công ty có 9 kho gạo được đánh số theo thứ tự từ 1 đến 9. Mỗi kho số chẵn chứa 35 tấn 150 kg gạo, mỗi kho số lẻ chứa 22 tấn 8 yến gạo. Vậy khối lượng gạo có trong 9 kho đó tất cả là: **(0,5 điểm)**

- A. 251 tấn B. 250 tấn C. 215 tấn D. 140 tấn

II. Phần tự luận. (6 điểm)

Bài 1 Đặt tính rồi tính. (1 điểm)

$$125\,307 + 281\,725$$

1 270 805 – 925 390

$42\,915 : 7$

$47\,318 \times 2$

Bài 2 $> ; < ; =$? (1 điểm)

6 tấn 45 kg  12 618 kg – 6 578 kg

$$12\,618\text{ kg} - 6\,578\text{ kg}$$

$5 \text{ m}^2 \quad 95 \text{ cm}^2 \quad \begin{array}{|c|c|} \hline & \\ \hline & \\ \hline & \\ \hline \end{array} \quad 132 \text{ dm}^2 \times 4$

$$132 \text{ dm}^2 \times 4$$

1 800 giây : 5

 6 phút 12 giây

$$16\,160\text{ mm}^2 \times 5 \quad \begin{array}{|c|c|c|} \hline & & \\ \hline & & \\ \hline & & \\ \hline \end{array} \quad 8\text{ dm}^2 \quad 8\text{ cm}^2$$

$8 \text{ dm}^2 \quad 8 \text{ cm}^2$

Bài 3 Tính bằng cách thuận tiện nhất. (1 điểm)

$$25\,190 + 8\,230 + 570 + 5\,010$$

$$65\,318 - 7\,295 + 47\,295 - 5\,318$$

Bài 4 Số? (1 điểm)

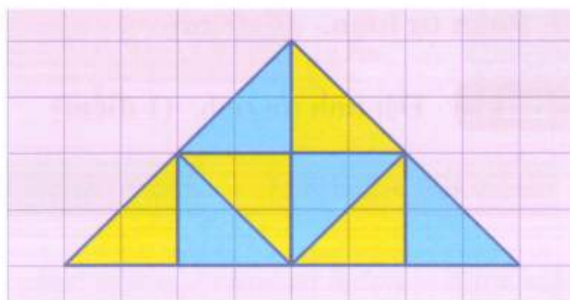
Hình vẽ bên có:



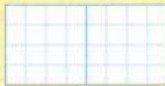
hình bình hành,



hình thoi.

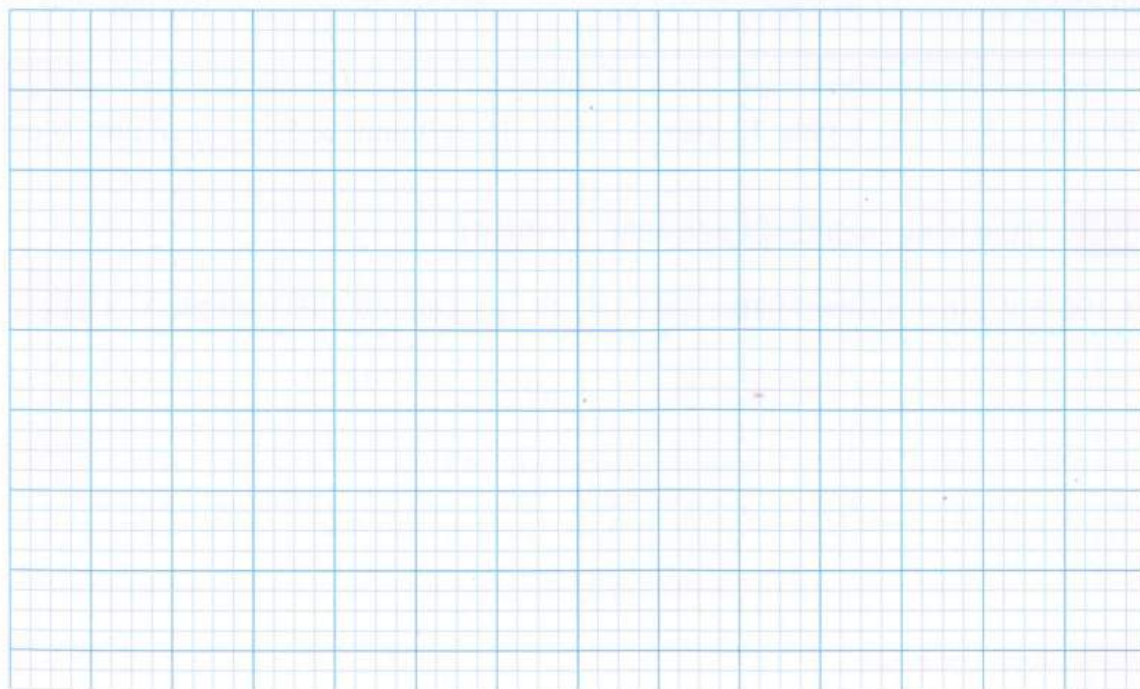


Bài 5 Điền vào chỗ trống. (1 điểm)

- Phạm Ngũ Lão là một danh tướng thời Trần. Ông sinh năm 1255, thuộc thế kỉ .
- Lễ tưởng niệm 700 năm ngày mất của ông được tổ chức vào năm 2020, thuộc thế kỉ . Vậy danh tướng Phạm Ngũ Lão mất năm , thuộc thế kỉ .

Bài 6 Một mảnh đất hình chữ nhật dài 45 m và rộng 8 m nằm ở ven bờ sông Hậu. Vì chưa có bờ kè chắc chắn nên phần lớn diện tích mảnh đất đã bị sạt lở xuống sông. Diện tích đất còn lại ít hơn diện tích đất bị sạt lở là 240 m^2 . Tính diện tích đất bị sạt lở và diện tích đất còn lại của mảnh đất đó. (1 điểm)

Bài giải





I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số "Chín trăm linh tư triệu sáu trăm mười lăm nghìn không trăm linh năm" được viết là: **(0,5 điểm)**

- A. 904 615 005 B. 94 615 005 C. 904 615 050 D. 940 615 500

Câu 2 Chữ số 3 trong số 72 351 948 thuộc: **(0,5 điểm)**

- A. Hàng trăm nghìn, lớp triệu B. Hàng chục triệu, lớp triệu
C. Hàng trăm, lớp đơn vị D. Hàng trăm nghìn, lớp nghìn

Câu 3 Năm 1009, Lý Công Uẩn lên ngôi vua, nhà Lý được thành lập. Năm đó thuộc thế kỉ: **(0,5 điểm)**

- A. X B. XI C. XII D. XIII

Câu 4 Trong các số đo dưới đây, số đo nhỏ nhất là: **(0,5 điểm)**

- A. 12 tấn 50 kg B. 120 tạ 50 yến C. 12 005 kg D. 12 tấn 50 tạ

Câu 5 Mẹ sinh Hà năm 25 tuổi. Hiện tại, tổng số tuổi của mẹ và Hà là 45 tuổi. Vậy hiện tại số tuổi của Hà là: **(0,5 điểm)**

- A. 9 tuổi B. 8 tuổi C. 12 tuổi D. 10 tuổi

Câu 6 Một người thợ được thuê để sơn mặt trước và mặt sau của một bức tường hình chữ nhật dài 4 m và cao 2 m. Người thợ đó mất 2 phút 30 giây để sơn xong 1 m² tường. Vậy người thợ đó sẽ sơn xong bức tường trong thời gian là: **(0,5 điểm)**

- A. 20 phút B. 30 phút
C. 40 phút D. 50 phút



II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Điền vào chỗ trống. (1 điểm)

- Giá trị của chữ số 6 trong số 68 192 453 là

.

- Làm tròn số 51 259 617 đến hàng trăm nghìn được

.

- Góc bẹt có số đo góc là

 và góc vuông có số đo góc là

.

- 4 ngày =

 giờ 5 thế kỉ =

 năm

Bài 2 Đặt tính rồi tính. (1 điểm)

$$615\ 859 + 205\ 027$$

$$4\,152\,608 - 826\,350$$

$35\,849 : 7$

$15\,218 \times 4$

Bài 3 $> ; < ; =$? (1 điểm)

8 tấn 23 kg  2 080 kg $\times 4$

12 m² 900 cm²  620 dm² + 670 dm²

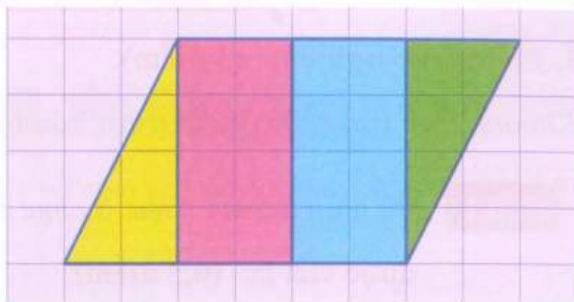
50 tạ 23 yến  $7\,300\text{ kg} - 2\,270\text{ kg}$ 12 phút 30 giây  $4\,500\text{ giây} : 6$

Bài 4

Hình vẽ bên có:



hình thoi.



Bài 5

$$22\,160 + 7\,250 + 840$$

[illegible]

$$510 + 3\,250 + 4\,750 + 1\,490$$

[illegible]

Bài 6

Bài giải



I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số gồm 8 trăm triệu, 8 chục triệu, 8 chục nghìn, 8 nghìn, 8 trăm và 8 đơn vị được viết là: **(0,5 điểm)**

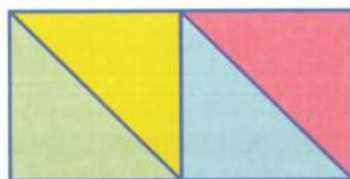
- A. 880 088 808 B. 888 888 000 C. 808 808 808 D. 880 808 088

Câu 2 Làm tròn số 52 128 955 đến hàng chục nghìn được: **(0,5 điểm)**

- A. 52 110 000 B. 52 100 000 C. 52 120 000 D. 52 130 000

Câu 3 Hình vẽ bên có: **(0,5 điểm)**

- A. 1 hình thoi B. 2 hình thoi
C. 3 hình thoi D. 4 hình thoi



Câu 4 Trong số 75 284 361, giá trị của chữ số 8 hơn giá trị của chữ số 1 số đơn vị là: **(0,5 điểm)**

- A. 7 đơn vị B. 70 000 đơn vị C. 79 999 đơn vị D. 79 000 đơn vị

Câu 5 Xe thứ nhất chở được 1 tấn 5 tạ gạo, xe thứ hai chở được nhiều hơn xe thứ nhất 3 tấn 80 kg gạo, xe thứ ba chở được ít hơn xe thứ hai 2 tấn 25 yến gạo. Vậy khối lượng gạo cả ba xe chở được tất cả là: **(0,5 điểm)**

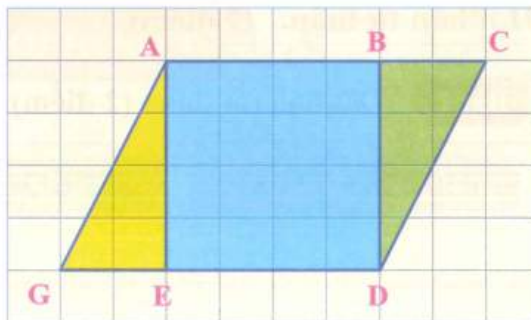
- A. 6 630 kg B. 7 830 kg C. 8 410 kg D. 7 310 kg

Câu 6 Nhà An cách nhà Mai 3 km. Nhà An ở gần trường hơn nhà Mai 600 m (như bức tranh). Vậy khoảng cách từ nhà An đến trường là: **(0,5 điểm)**



- A. 1 200 m B. 1 400 m C. 1 600 m D. 1 800 m

Trong hình vẽ bên:



a. ACDG là hình thoi.



b. ABDE là hình bình hành.



c. Có 2 đoạn thẳng vuông góc với đoạn thẳng AC.



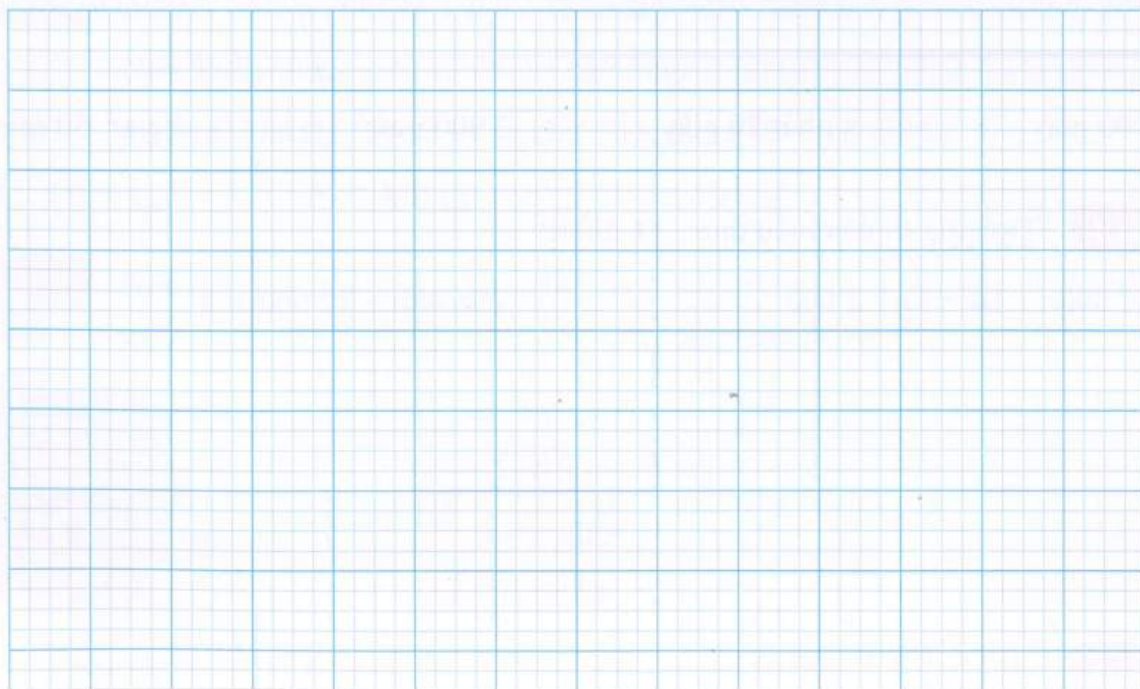
d. Có 2 đoạn thẳng song song với đoạn thẳng AG.

Bài 5

Bố mẹ chia đều khu đất có diện tích là $1\,200\text{ m}^2$ cho hai anh em. Sau đó, người anh tham lam đã lấy gần hết mảnh đất của người em. Hiện tại, mảnh đất của người anh lớn hơn mảnh đất của người em là $1\,080\text{ m}^2$. Tính diện tích đất người anh đã lấy của người em. **(2 điểm)**



Bài giải





I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

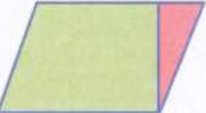
Câu 1 Số 245'004 061 đọc là: **(0,5 điểm)**

- A. Hai trăm bốn mươi năm triệu bốn nghìn sáu mươi một
- B. Hai trăm bốn mươi năm triệu không trăm linh bốn nghìn không trăm sáu mươi
- C. Hai trăm bốn mươi lăm triệu không trăm linh tư nghìn không trăm sáu mươi một
- D. Hai trăm bốn mươi năm triệu không trăm linh tư nghìn không trăm sáu mươi một

Câu 2 Làm tròn số 185 278 đến hàng trăm nghìn được: **(0,5 điểm)**

- A. 200 000
- B. 190 000
- C. 180 0000
- D. 100 000

Câu 3 Trong các hình dưới đây, hình có 2 góc bẹt là: **(0,5 điểm)**

- A. 
- B. 
- C. 
- D. 

Câu 4 a và b lần lượt là hai số tự nhiên liên tiếp trong dãy số 1, 5, 9, 13, 17, 21,
Tổng của hai số là 62. Vậy b bằng: **(0,5 điểm)**

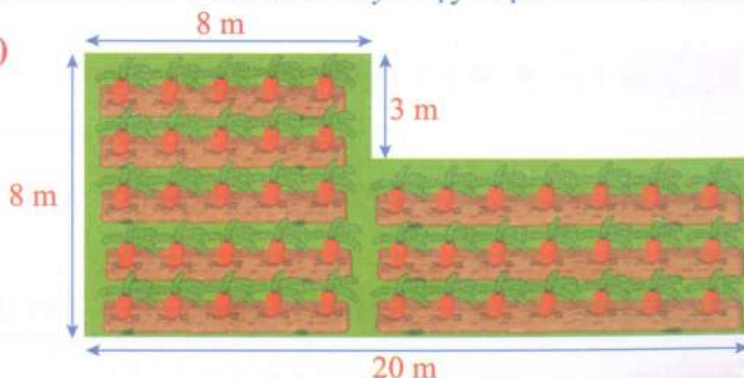
- A. 29
- B. 33
- C. 37
- D. 41

Câu 5 Trong các số đo dưới đây, số đo lớn nhất là: **(0,5 điểm)**

- A. 12 tấn 72 yến
- B. 12 tấn 12 tạ
- C. 12 tấn 560 kg
- D. 115 tạ 25 yến

Câu 6 Một mảnh vườn có kích thước như hình dưới đây. Vậy diện tích của mảnh vườn đó là: **(0,5 điểm)**

- A. 160 m^2
- B. 96 m^2
- C. 124 m^2
- D. 64 m^2



II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Điền vào chỗ trống. (1 điểm)

• Số tự nhiên nhỏ nhất là

• Giá trị của chữ số 6 trong số 86 125 379 là

• Thế kỉ XV bắt đầu từ năm

đến năm

• Hình có 2 cặp cạnh đối diện song song và bằng nhau là hình

Bài 2 Đặt tính rồi tính. (1 điểm)

$$165\,495 + 29\,461$$

$$843\,165 - 390\,217$$

$$64\,564 : 8$$

$$26\,145 \times 2$$

Bài 3 $>$; $<$; $=$? (1 điểm)

2 tấn 500 kg

1 160 kg + 1 340 kg

$6\text{ m}^2\,150\text{ dm}^2$

$2\,190\text{ dm}^2 : 3$

1 600 giây : 4

5 phút 15 giây

$47\,000\text{ mm}^2 \times 2$

$9\text{ dm}^2\,50\text{ cm}^2$

Bài 4 Số? (1 điểm)

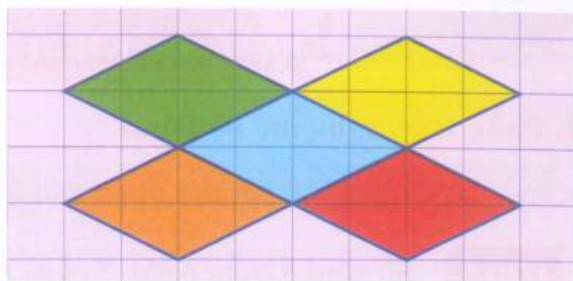
Hình vẽ bên có:



hình bình hành,

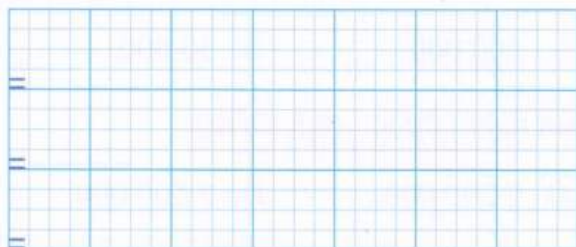


hình thoi.

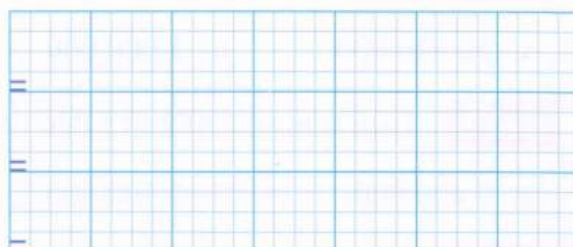


Bài 5 Tính bằng cách thuận tiện nhất. (1 điểm)

$$120 + 270 + 380 + 230$$

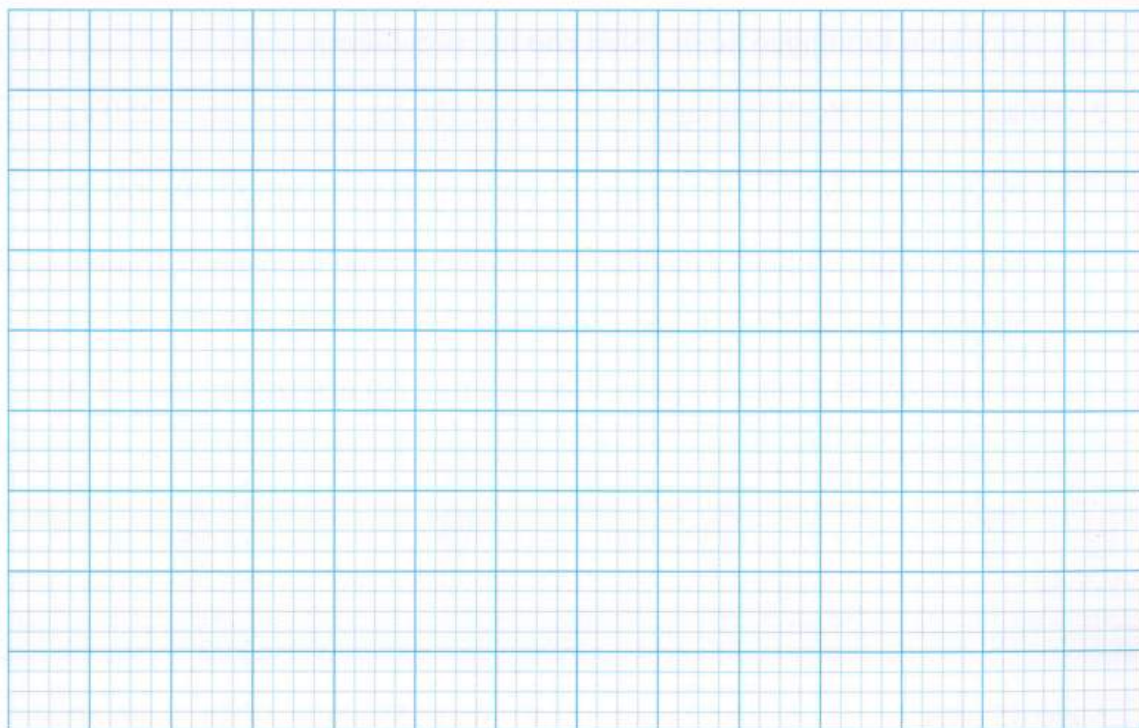


$$1\ 200 + 250 + (4\ 800 + 3\ 750)$$



Bài 6 Bác Tâm có 4 sào đất, mỗi sào có diện tích là 500 m^2 . Trên mảnh đất đó, bác đào ao thả cá và trồng rau. Diện tích trồng rau nhỏ hơn diện tích ao là 200 m^2 . Cứ mỗi 1 m^2 , bác Tâm thu hoạch được 3 kg rau. Hỏi bác Tâm thu hoạch được bao nhiêu yến rau từ mảnh đất đó? (2 điểm)

Bài giải





I. Phần trắc nghiệm. (4 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số gồm 8 trăm triệu, 7 chục nghìn, 2 trăm và 9 đơn vị là: **(0,5 điểm)**

- A. 800 070 209 B. 872 900 000 C. 800 729 000 D. 800 700 209

Câu 2 Giá trị của chữ số 5 trong số 57 129 384 là: **(0,5 điểm)**

- A. 50 000 000 B. 5 000 000 C. 500 000 D. 50 000

Câu 3 Làm tròn số 7 482 615 đến hàng trăm nghìn được: **(0,5 điểm)**

- A. 7 400 000 B. 7 300 000 C. 7 200 000 D. 7 500 000

Câu 4 Một góc có số đo góc là 120° . Vậy góc đó là: **(0,5 điểm)**

- A. Góc nhọn B. Góc vuông C. Góc tù D. Góc bẹt

Câu 5 Trần Hưng Đạo sinh năm 1228, năm đó thuộc thế kỉ: **(0,5 điểm)**

- A. XI B. XII C. XIII D. XIV

Câu 6 Hai xe chở tất cả 3 tấn 6 tạ gạo. Xe thứ nhất chở nhiều hơn xe thứ hai 9 tạ gạo. Vậy khối lượng gạo xe thứ nhất chở là: **(0,5 điểm)**

- A. 2 350 kg B. 1 350 kg C. 2 500 kg D. 2 250 kg

Câu 7 Để đến trường, An phải đi qua 4 ngã tư (như bức tranh). An bắt đầu đi từ nhà lúc 6 giờ 30 phút. Nếu không phải chờ đèn đỏ thì An mất 15 phút để đến trường. Hôm nay, khi đi qua các ngã tư, An đều phải chờ đèn đỏ. Thời gian mỗi lần chờ là 1 phút 30 giây. Vậy hôm nay, An đến trường lúc: **(1 điểm)**

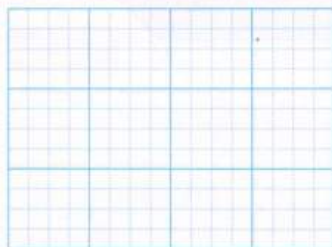


- A. 6 giờ 45 phút B. 6 giờ 51 phút C. 6 giờ 55 phút D. 6 giờ 50 phút

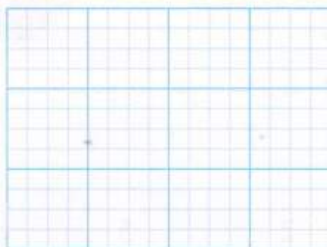
II. Phần tự luận. (6 điểm)

* Bài 1 Đặt tính rồi tính. (1 điểm)

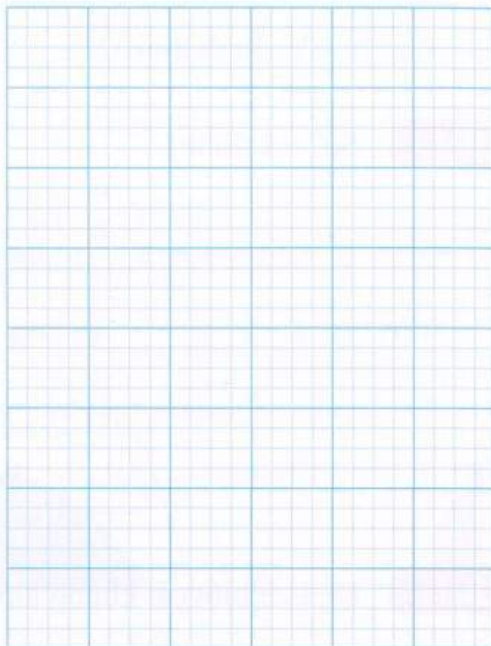
$1\ 627\ 135 + 803\ 528$



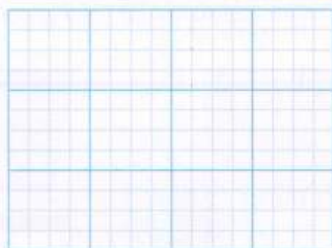
$319\ 620 - 135\ 806$



$84\ 368 : 6$



$8\ 015 \times 4$



* Bài 2 $> ; < ; =$? (1 điểm)

$6\ \text{tấn}\ 13\ \text{tạ} \quad \square \quad 2\ 416\ \text{kg} \times 3$



$5\ \text{m}^2\ 15\ \text{dm}^2 \quad \square \quad 10\ 300\ \text{cm}^2 \times 5$



$600\ \text{yến} - 560\ \text{yến} \quad \square \quad 2\ \text{tạ}\ 35\ \text{kg}$

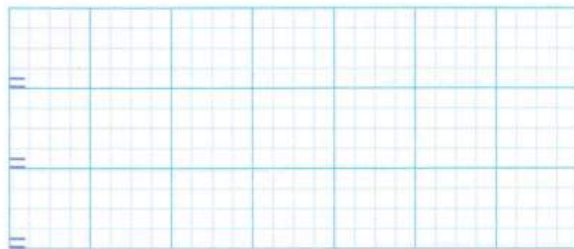


$3\ 030\ \text{giây} : 6 \quad \square \quad 8\ \text{phút}\ 40\ \text{giây}$

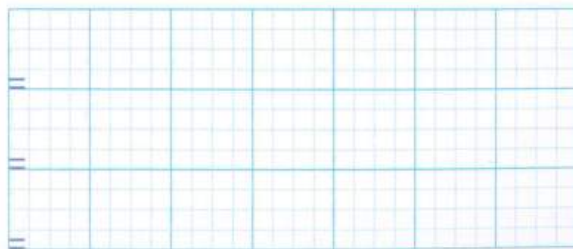


* Bài 3 Tính bằng cách thuận tiện nhất. (1 điểm)

$257 + (243 + 380)$



$72\ 800 + 11\ 300 + 3\ 200 + 2\ 700$



* Bài 4 Số? (1 điểm)

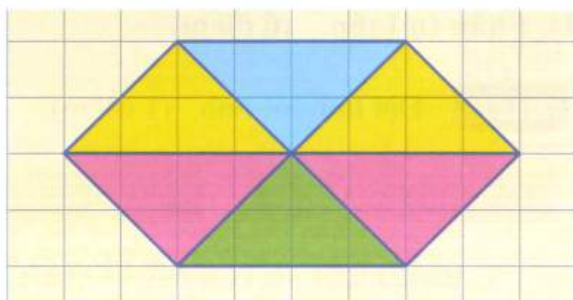
Hình vẽ bên có:



hình bình hành,



hình thoi.



Bài 5

Số? (1 điểm)

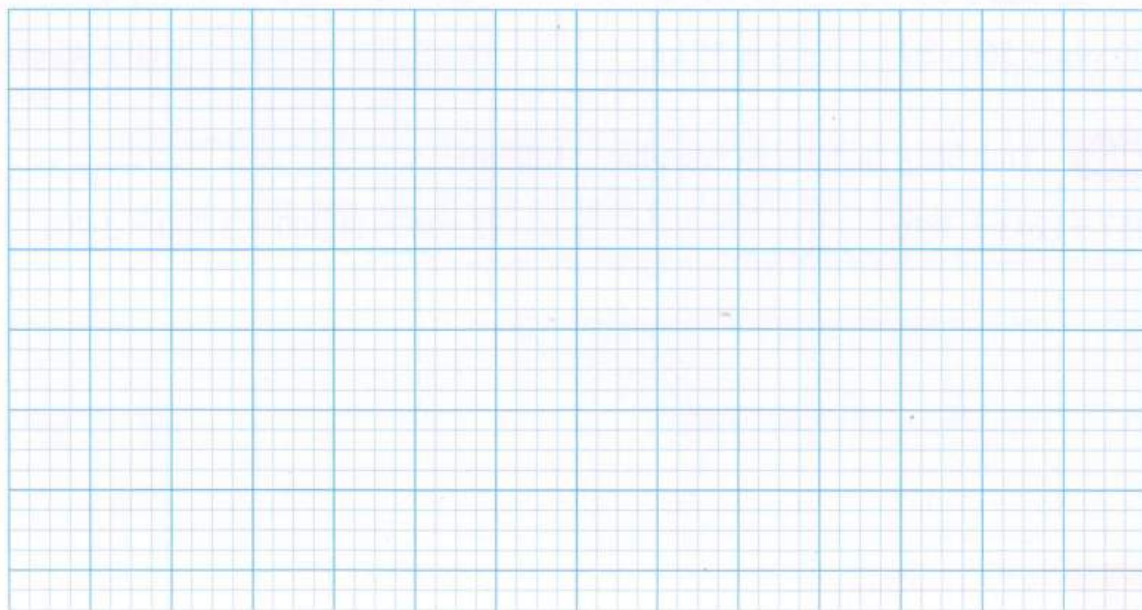
6		2		5	
3	8		8		5
	3	1	9	3	5

Bài 6

Để làm một cái khung hình chữ nhật treo bằng khen của Hà, bố đã cưa thanh gỗ dài 120 cm thành 2 đoạn dài và 2 đoạn ngắn. Đoạn dài hơn đoạn ngắn 10 cm. Tính độ dài của mỗi đoạn gỗ dài, độ dài của mỗi đoạn gỗ ngắn. (1 điểm)



Bài giải





I. Phần trắc nghiệm. (4 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số "Ba mươi tư triệu hai trăm linh năm nghìn không trăm linh sáu" được viết là: **(0,5 điểm)**

- A. 34 205 006 B. 34 250 060 C. 3 425 006 D. 34 205 600

Câu 2 Làm tròn số 3 571 785 đến hàng trăm nghìn được: **(0,5 điểm)**

- A. 3 500 000 B. 3 400 000 C. 3 600 000 D. 3 300 000

Câu 3 Trong các hình dưới đây, hình có 2 góc tù là: **(0,5 điểm)**



Câu 4 Năm 1602 thuộc thế kỉ: **(0,5 điểm)**

- A. XV B. XVI C. XVII D. XVIII

Câu 5 Trong số 71 219 615, giá trị của chữ số 1 thuộc lớp triệu hơn giá trị của chữ số 1 thuộc lớp đơn vị là: **(0,5 điểm)**

- A. 999 999 đơn vị B. 999 990 đơn vị C. 999 900 đơn vị D. 990 000 đơn vị

Câu 6 Một cửa hàng bán được 2 tấn 80 kg gạo nếp và gạo tẻ. Số gạo nếp bán được ít hơn số gạo tẻ là 1 tạ 20 kg. Vậy số gạo nếp cửa hàng bán được là: **(0,5 điểm)**

- A. 1 100 kg B. 1 600 kg C. 980 kg D. 1 340 kg

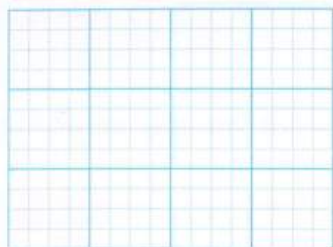
Câu 7 Hà chạy bộ quanh một cái hồ hình chữ nhật dài 250 m và rộng 150 m. Hà mất 120 giây để chạy được 100 m. Vậy nếu cứ chạy như vậy, Hà có thể chạy hết 1 vòng quanh hồ trong thời gian là: **(1 điểm)**

- A. 8 phút B. 10 phút C. 14 phút D. 16 phút

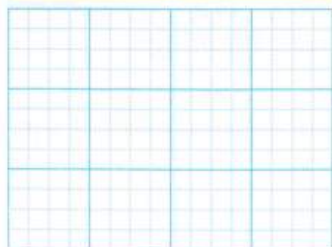
II. Phần tự luận. (6 điểm)

Bài 1 Đặt tính rồi tính. (1 điểm)

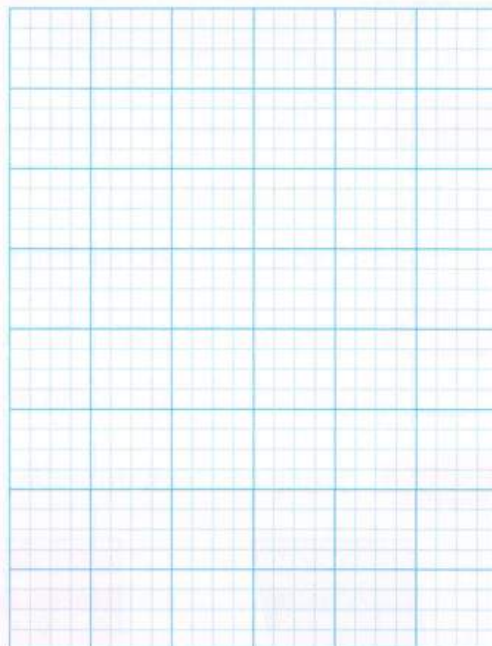
$758\ 317 + 26\ 543$



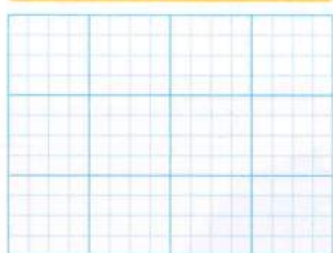
$652\ 835 - 260\ 917$



$90\ 358 : 5$

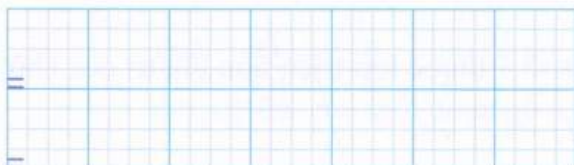


$9\ 116 \times 6$

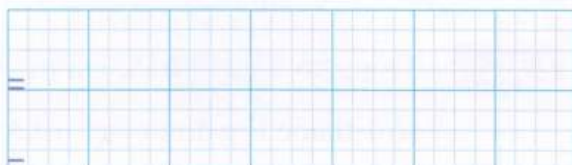


Bài 2 Tính giá trị của biểu thức. (1 điểm)

$71\ 560 + (31\ 340 - 1\ 340)$



$524\ 360 - 4\ 060 \times 6$



Bài 3 Số? (1 điểm)

$12\ \text{tấn } 50\ \text{yến} = \boxed{}\ \text{kg}$

$3\ \text{m}^2\ 128\ \text{dm}^2 = \boxed{}\ \text{cm}^2$

$25\ \text{tạ } 78\ \text{kg} = \boxed{}\ \text{kg}$

$5\ \text{phút } 35\ \text{giây} = \boxed{}\ \text{giây}$

Bài 4 Số? (1 điểm)

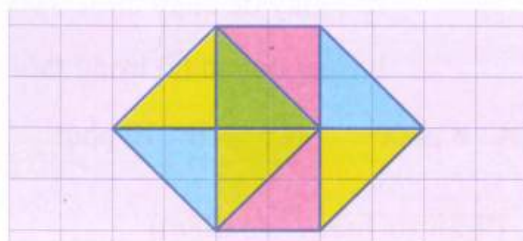
Hình vẽ bên có:



hình bình hành và



hình thoi.



Bài 5 Số? (1 điểm)

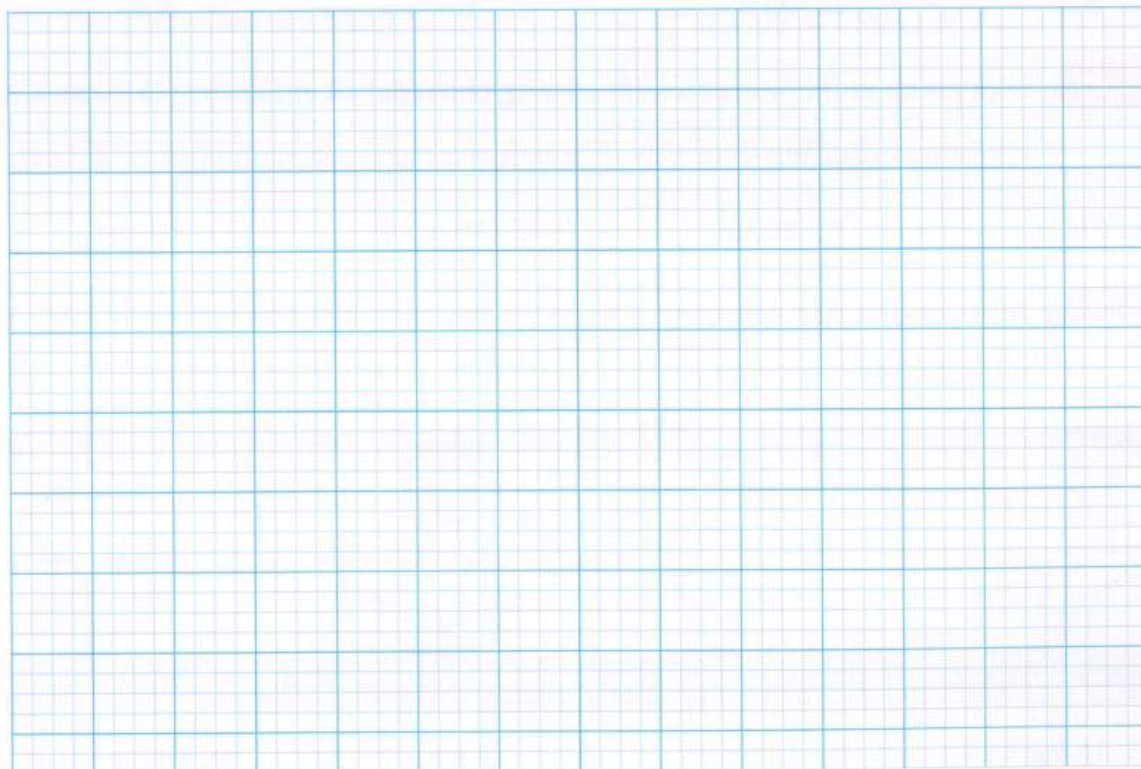
$$\begin{array}{cccccc}
 1 & 2 & & 7 & 3 & \\
 + & & & & & \\
 \hline
 & & & 2 & 3 & 6
 \end{array}$$

	0	8		5	4
--	---	---	--	---	---

Bài 6 Hà đếm được có 10 viên gạch men được lát theo chiều dài và 8 viên gạch men được lát theo chiều rộng của một căn phòng hình chữ nhật. Các viên gạch men đều có dạng hình vuông cạnh 5 dm. Hỏi căn phòng đó có diện tích là bao nhiêu mét vuông? Biết diện tích phần mạch vữa không đáng kể. (1 điểm)



Bài giải





I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số gồm 7 trăm triệu, 1 chục triệu, 5 chục nghìn, 6 trăm và 9 đơn vị được viết là: **(0,5 điểm)**

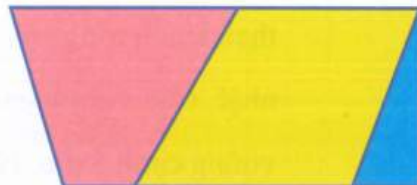
- A. 710 500 609 B. 710 050 609 C. 701 050 069 D. 710 005 609

Câu 2 Làm tròn số 7 251 653 đến hàng trăm nghìn được: **(0,5 điểm)**

- A. 7 300 000 B. 7 200 000 C. 7 400 000 D. 7 100 000

Câu 3 Hình vẽ bên có số góc nhọn là: **(0,5 điểm)**

- A. 4 B. 5
C. 6 D. 7



Câu 4 Lễ tưởng niệm 722 năm ngày mất của Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn được tổ chức vào năm 2022. Vậy năm ông mất thuộc thế kỉ: **(0,5 điểm)**

- A. XII B. XIII C. XIV D. XV

Câu 5 Một mảnh vườn hình chữ nhật có tổng chiều dài và chiều rộng là 20 m. Chiều dài hơn chiều rộng 4 m. Vậy diện tích của mảnh vườn đó là: **(0,5 điểm)**

- A. 96 m^2 B. 80 m^2 C. 86 m^2 D. 64 m^2

Câu 6 Mỗi con thỏ đều cân nặng 4 kg. Vậy cân nặng của con chó (như bức tranh dưới đây) là: **(0,5 điểm)**



- A. 16 kg B. 12 kg C. 6 kg D. 10 kg

II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Đặt tính rồi tính. (1 điểm)

$378\,265 + 430\,927$

$720\,836 - 518\,370$

$68\,127 : 4$

$6\,109 \times 8$

Bài 2 Tính giá trị của biểu thức. (1 điểm)

$625\,730 - 318\,280 + 25\,250$

$1\,510\,500 + 7\,500 : 3$

Bài 3 Số? (1 điểm)

$$\begin{array}{r}
 \begin{array}{|c|c|c|c|c|c|} \hline 2 & & 6 & & 7 & \\ \hline \end{array} \\
 + \\
 \begin{array}{|c|c|c|c|c|c|} \hline 4 & 2 & & 1 & & 5 \\ \hline \end{array} \\
 \hline
 \begin{array}{|c|c|c|c|c|c|} \hline & 8 & 5 & 4 & 8 & 3 \\ \hline \end{array}
 \end{array}$$

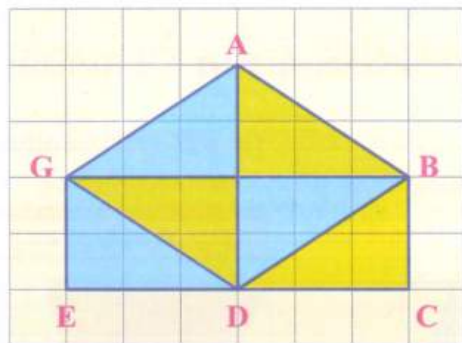
Bài 4 $>$; $<$; $=$? (1 điểm)



D ; S



d. Có 2 đoạn thẳng vuông góc với đoạn thẳng BG.



Hà tiết kiệm được 70 000 đồng. Sau khi mua một quyển vở và một hộp bút thì Hà còn lại 12 000 đồng. Quyển vở rẻ hơn hộp bút 32 000 đồng. Hỏi quyển vở có giá bao nhiêu tiền, hộp bút có giá bao nhiêu tiền? **(2 điểm)**



Bài giải



I. Phần trắc nghiệm. (4 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số "Ba triệu ba trăm linh ba nghìn ba trăm linh ba" được viết là: **(0,5 điểm)**

- A. 3 330 303 B. 3 303 300 C. 3 303 003 D. 3 303 303

Câu 2 Làm tròn số 762 516 đến hàng trăm nghìn được: **(0,5 điểm)**

- A. 762 000 B. 800 000 C. 700 000 D. 760 000

Câu 3 " $2 \text{ dm}^2 5 \text{ mm}^2 = \dots\dots \text{ mm}^2$ ". Số thích hợp điền vào chỗ chấm là: **(0,5 điểm)**

- A. 20 005 B. 25 000 C. 20 500 D. 2 005

Câu 4 Trong số 78 863 182, giá trị của chữ số 8 thuộc lớp triệu hơn giá trị của chữ số 8 thuộc lớp nghìn là: **(0,5 điểm)**

- A. 7 200 000 đơn vị B. 7 920 000 đơn vị C. 7 990 200 đơn vị D. 799 920 đơn vị

Câu 5 Năm 1954, quân và dân ta đã làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ "lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu". Năm đó thuộc thế kỉ: **(0,5 điểm)**

- A. XXI B. XX C. XIX D. XVIII

Câu 6 Khi đồng hồ chỉ 17 giờ, góc tạo bởi hai kim đồng hồ là: **(0,5 điểm)**

- A. Góc nhọn B. Góc tù C. Góc vuông D. Góc bẹt

Câu 7 Chú Sơn chở ba thùng hàng. Thùng thứ nhất cân nặng 2 yến 5 kg. Thùng thứ hai nặng hơn thùng thứ nhất 1 yến 5 kg. Thùng thứ ba nhẹ hơn thùng thứ hai 1 yến 2 kg. Vậy khối lượng hàng hoá chú Sơn chở tất cả là: **(0,5 điểm)**

- A. 93 kg B. 52 kg C. 83 kg D. 68 kg

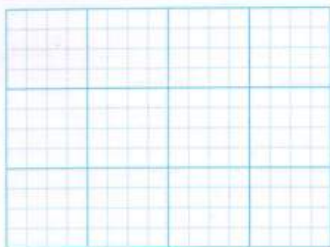
Câu 8 Bác Tâm làm hàng rào xung quanh mảnh đất hình chữ nhật rộng 5m và có diện tích là 90 m^2 . Bác có để cửa vào mảnh đất rộng 2 m. Vậy hàng rào bác Tâm làm xung quanh mảnh đất đó dài là: **(0,5 điểm)**

- A. 23 m B. 46 m C. 45 m D. 44 m

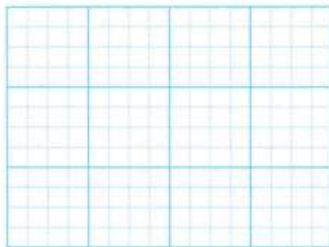
II. Phần tự luận. (6 điểm)

Bài 1 Đặt tính rồi tính. (1 điểm)

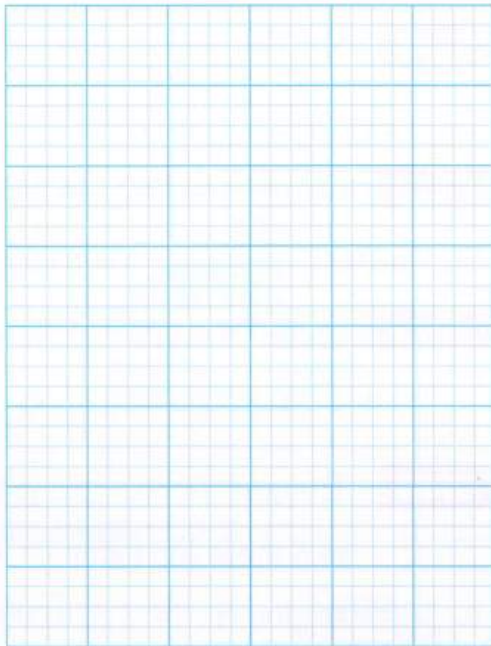
$$168\ 759 + 250\ 306$$



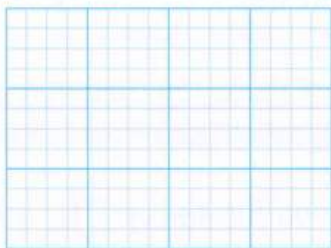
$$326\ 517 - 95\ 246$$



$$85\ 570 : 5$$

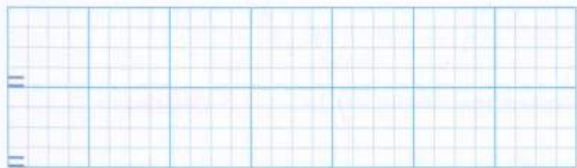


$$23\ 118 \times 4$$

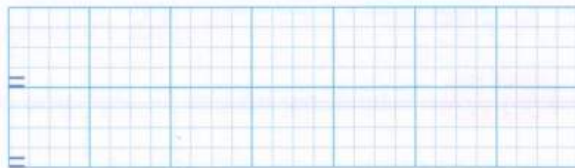


Bài 2 Tính giá trị của biểu thức. (1 điểm)

$$3 \times (18\ 260 + 3\ 240)$$



$$208\ 150 - 60\ 928 : 4$$



Bài 3 Đ ; S ? (1 điểm)

Trong hình vẽ bên:



a. Có 4 hình bình hành.



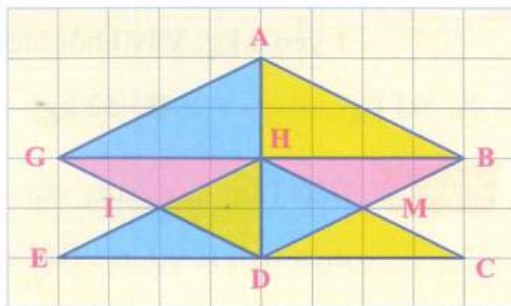
b. Góc đỉnh H; cạnh HG, HB là góc tù.



c. Có 2 hình thoi.



d. Có 6 đường thẳng song song với cạnh AB.



Bài 4 $> ; < ; =$? (1 điểm)

4 tạ 25 yến  $1\,300\text{ kg} \times 5$

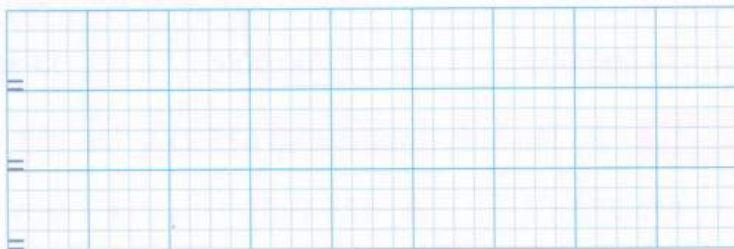
$6\text{ m}^2\,300\text{ dm}^2$  $18\,000\text{ cm}^2 \times 5$

$242\text{ yên} + 18\text{ yên}$  $2\text{ tấn } 530\text{ kg}$

$2\,700\text{ giây} : 6$  $7\text{ phút } 30\text{ giây}$

Bài 5 Tính bằng cách thuận tiện nhất. (1 điểm)

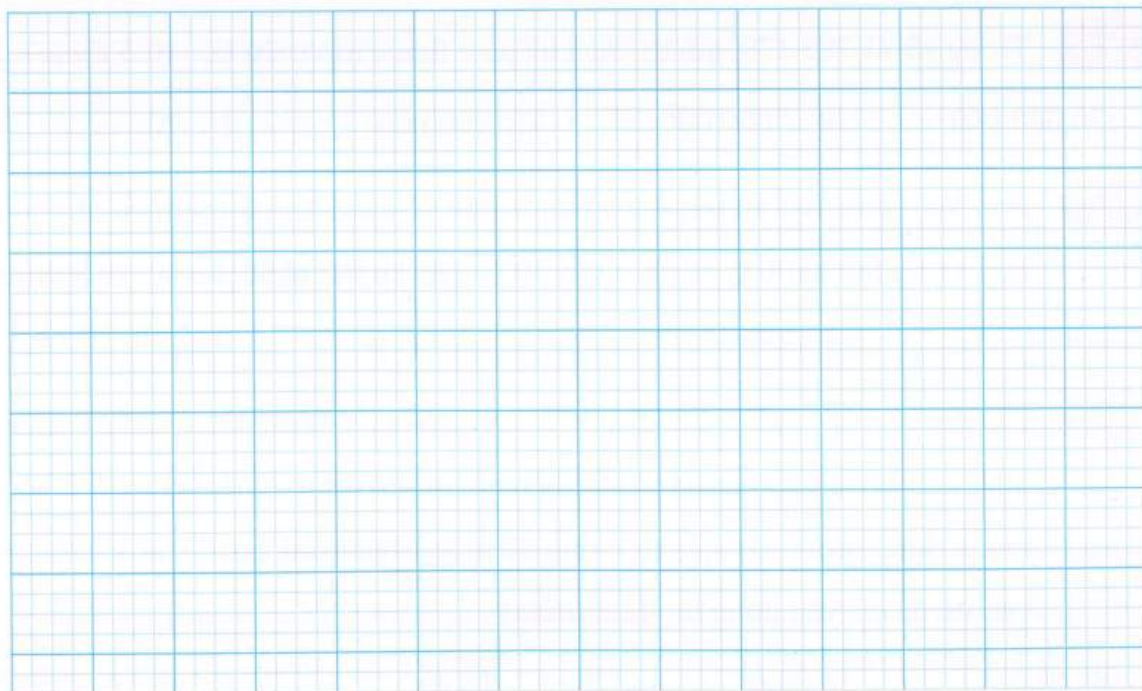
$2\,071 + 3\,252 + 3\,429 + 1\,248 =$



Bài 6 Sáng nay, mẹ cho Hà 30 000 đồng. Sau khi mua một cái bánh mì và một hộp sữa, Hà còn lại 2 000 đồng. Cái bánh mì có giá cao hơn hộp sữa 12 000 đồng. Hỏi Hà mua cái bánh mì, mua hộp sữa hết bao nhiêu tiền? (1 điểm)



Bài giải





I. Phần trắc nghiệm. (4 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số gồm 6 chục triệu, 5 trăm nghìn, 8 chục nghìn và 9 đơn vị là: **(0,5 điểm)**

- A. 60 508 900 B. 60 580 009 C. 60 058 090 D. 60 589 000

Câu 2 Làm tròn số 74 851 928 đến hàng trăm nghìn được: **(0,5 điểm)**

- A. 74 000 000 B. 74 700 000 C. 74 800 000 D. 74 900 000

Câu 3 Số lớn nhất trong các số 675 253, 726 108, 670 192, 73 005 là: **(0,5 điểm)**

- A. 675 253 B. 726 108 C. 670 192 D. 73 005

Câu 4 Trong các hình dưới đây, hình nào là hình bình hành? **(0,5 điểm)**



Câu 5 Máy bay được phát minh năm 1903, thuộc thế kỉ: **(0,5 điểm)**

- A. XVIII B. XIX C. XX D. XXI

Câu 6 Trong số 71 785 179, giá trị của chữ số 7 thuộc lớp triệu là: **(0,5 điểm)**

- A. 70 000 000 B. 7 000 000 C. 700 000 D. 70

Câu 7 Bác Tâm thuê hai xe tải chở 5 tấn cà phê về kho. Xe tải thứ nhất chở nhiều hơn xe tải thứ hai 6 tạ cà phê. Vậy số cà phê xe tải thứ nhất chở là: **(0,5 điểm)**

- A. 2 tấn 80 kg B. 2 tấn 2 yến C. 2 tấn 8 tạ D. 2 tấn 200 kg

Câu 8 Cô Mai có 1 sào ruộng trồng ngô (1 sào = 360 m²). Ruộng ngô của cô có dạng hình chữ nhật. Vì ruộng khá dài nên cô chỉ đo được chiều rộng là 9 m. Cô muốn dùng lưới quây quanh ruộng để ngăn chuột phá hoại. Vậy số mét lưới vừa đủ để cô Mai dùng là: **(0,5 điểm)**

- A. 88 m B. 80 m C. 58 m D. 98 m

II. Phần tự luận. (6 điểm)

Bài 1 Đặt tính rồi tính. (1 điểm)

$$4\ 152\ 758 + 931\ 327$$

$$725\ 830 - 392\ 450$$

$$72\ 657 : 6$$

$$7\ 108 \times 8$$

Bài 2 Tính giá trị của biểu thức. (1 điểm)

$$258\ 000 + 442\ 000 + 12\ 000 \times 8$$

$$127\ 014 - 35\ 070 : (5\ 725 - 5\ 720)$$

Bài 3 $> ; < ; =$? (1 điểm)

$$7\ \text{tấn}\ 20\ \text{tạ} \quad \square \quad 6\ 500\ \text{kg} + 2\ 500\ \text{kg}$$

$$7\ \text{m}^2\ 50\ \text{cm}^2 \quad \square \quad 140\ \text{dm}^2 \times 5$$

$$12\ 412\ \text{kg} : 4 \quad \square \quad 30\ \text{tạ}\ 15\ \text{yến}$$

$$9\ 000\ \text{mm}^2 : 5 \quad \square \quad 1\ \text{dm}^2\ 800\ \text{mm}^2$$

Bài 4 Điền vào chỗ trống. (1 điểm)

Trong hình vẽ bên:

a. Đoạn thẳng AC vuông góc với các

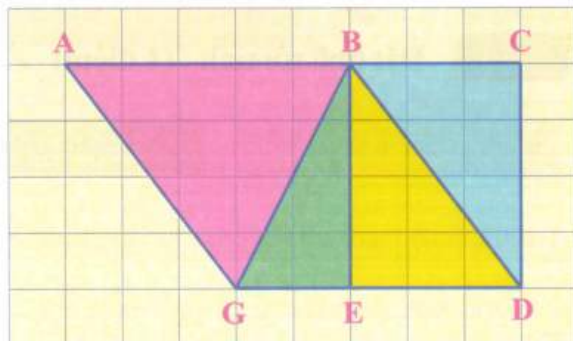
đoạn thẳng:

b. Đoạn thẳng AG song song với đoạn

thẳng

c. Có các hình bình hành là:

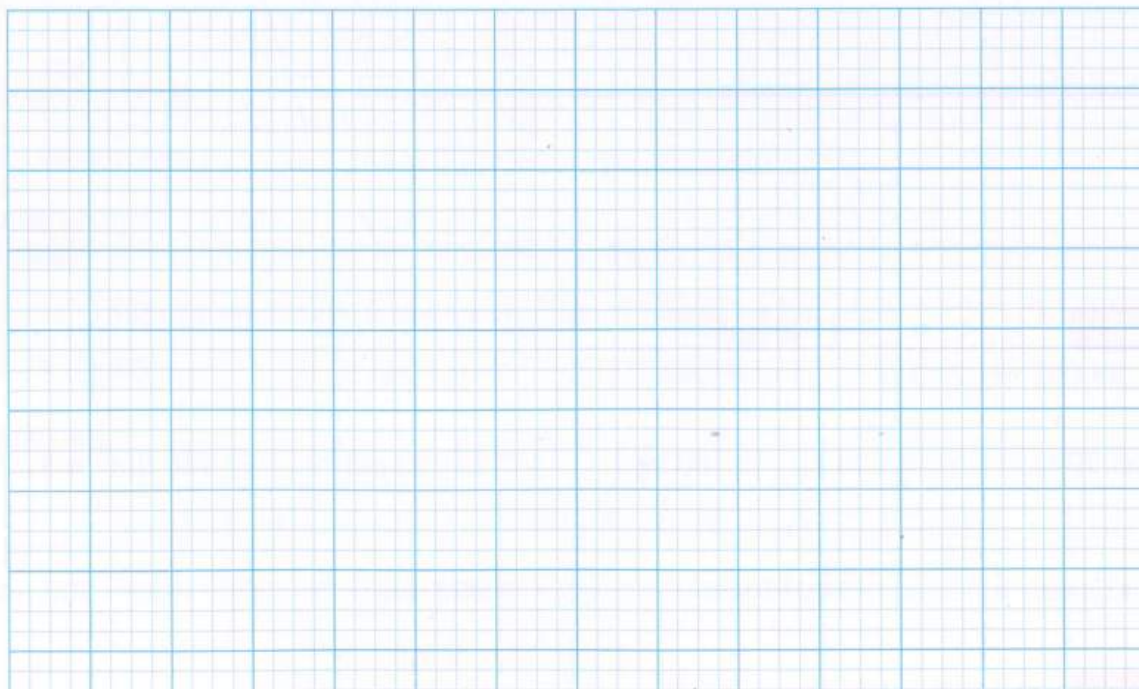
d. Có hình thoi là:



Bài 5

Lúc 6 giờ sáng hôm nay, An giúp mẹ hái một luống rau trong vườn. Được một lúc thì mẹ gọi An vào ăn sáng để còn đi học. An nhờ bố hái nốt số rau còn lại. Đến 7 giờ sáng thì bố hái xong luống rau đó. Thời gian An hái rau ít hơn bố là 16 phút. Tính thời gian An hái rau và thời gian bố hái rau. **(2 điểm)**

Bài giải





Mục lục

3 ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ SỐ 1

6 ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ SỐ 2

9 ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ SỐ 3

12 ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ SỐ 4

15 ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ SỐ 5

18 ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 1

21 ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 2

24 ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 3

27 ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 4

30 ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 5

33 ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 6

36 ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 7

39 ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 8

42 ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 9

45 ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 10

48 ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 11

51 ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 12

54 ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 13

57 ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 14

60 ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 15

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 4, Tổng Duy Tân, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.3825.2916 Website: www.nxbhanoi.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Tổng Giám đốc - Tổng Biên tập: **Vũ Văn Việt**

Biên tập: **Đặng Thị Tinh**

Thiết kế bìa & trình bày: **Uyển Uyển**

ĐỀ KIỂM TRA TOÁN

4

HỌC KÌ 1

ISBN: 978-604-359-569-7



Đối tác liên kết xuất bản:

Công ty cổ phần sách Qbooks

Địa chỉ: Số 190, ngõ 192, đường Lê Trọng Tấn, phường Định Công, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội

Một số hình ảnh minh họa được sưu tầm từ sách, báo và các nguồn tài liệu tham khảo khác.

Không phần nào trong cuốn sách này được sao chép hoặc chuyển sang bất cứ dạng thức hoặc phương tiện nào, dù là điện tử, in ấn, ghi âm hay bất cứ hệ thống phục hồi và lưu trữ thông tin nào nếu không có sự cho phép bằng văn bản của Qbooks.

In 10.000 cuốn, khổ 19 x 26.5cm, tại Công ty Cổ phần in Trường Phát
Địa chỉ: Thôn Xâm Xuyên, xã Hồng Vân, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội

Số xác nhận XB: 57 - 2024/CXBIPH/65 - 06/HN

Theo QĐXB số: 1961/QĐ-HN cấp ngày 25/06/2024

In xong và nộp lưu chiểu năm 2024